

## Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

\*\*\*

### Bắn sẻ

Do chữ “*xạ tước*”, nghĩa là bắn...con chim sẻ.

Do tích Đạu Nghi vẽ con chim sẻ trên tấm bình phong và hứa ai bắn được trứng chim sẻ gả con gái cho. Lý Uyên, tức vua Đường Cao Tổ sau này, bắn trúng và...được vợ.

*Cung oán ngâm khúc* có câu “Làng cung kiếm rập ranh bắn sẻ - Khách công hầu ngấp nghé mong sao”.

Sau này người ta dùng chữ “bắn sẻ” để nói việc...kén rể.

Người trong nước “bắn sẻ” là...bắn tĩa (cho chết luôn).

### Khem

Khem ; kiêng cử  
(ăn khem)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Văn mình vợ người

Tố Mai kể rằng nhà thơ Hà Thượng Nhân viết bài khen bài *Bát Phở Đầu Đồi* của Nguyễn Tử Đóa như sau: “Chỉ với bài thơ nhỏ tôi dám nghĩ rằng Nguyễn Tử Đóa có cái phong cách của Bạch Cư Dị lẫn Đỗ Phủ. Bạch trong sáng và Đỗ thâm sâu”.  
Nghe đã thấy mê ly ngây ngất chưa?

Trong *Đêm Giữa Ban Ngày*, Vũ Thư Hiên kể Kim Lân có một truyện ngắn nhan đề *Thằng Cầm* và so sánh Kim Lân với văn hào Nga Tourgueniev cho rằng nhà văn Nga này khó vượt nổi được Kim Lân. Nếu không lầm thì hình như Kim Lân chỉ có một tác phẩm khá là *Vợ Nhặt*. Bây giờ mới thấy Vũ Thư Hiên ca tụng Kim Lân với truyện *Thằng Cầm* viết...*nhưng chưa bao giờ đăng báo, còn ở trong vòng bí mật*.

Khi viết lời giới thiệu cho tập truyện mới xuất bản, Trần Bích San cũng liên hệ tới nhà văn Nga Chekhov và viết: “...Anton Chekhov để lại cho nhân loại những truyện ngắn hoàn hảo đến độ một ngữ sử văn học danh tiếng Tây phương cho là không ai có thể thay đổi một chữ, dù chỉ một chữ thôi, trong các đoán thiên của ông...”.

Thói quen dẫn chứng quá nhiều bằng văn học ngoại quốc, vọng ngoại, ít tự tin vào văn tài của mình, mà thích dựa vào bóng một cây cổ thụ sẵn. Khi không muốn dẫn chứng bằng văn phẩm ngoại quốc để so sánh, lại chủ quan thổi phồng giá trị tác phẩm.

(Đặng Trần Huân – Cũng đủ lãng quên đời)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Tình trong như đã mặt ngoài còn lâu.  
Vừa quen nhau đã ôm nhau làm bừa.

### Âm và ý

Ông Đàm Quang Hậu đã chú ý đến khả năng gọi tả của các âm trong Việt ngữ. *Tóe, xòe, loe, toe, toét, loét, khoe...*:

Âm *oe* đọc lên gọi ra hình ảnh một cái gì mờ rộng. *Eo, teo, quắt queo, cheo leo, lèo khèo* v.v.: Âm *eo* diễn tả cái gì thất lại. Khi đọc âm *ong* thì môi phải cong miệng phải phồng; nên tiếng quả bóng, cái lọng, cái nong, chiếc vòng v.v. đều ngụ ý cong và phồng.

Khi đọc âm *oi* thì phải hắt hơi ra; cho nên các tiếng thòi (ra), lòi (ra), cái ngòi, cái vòi, nhoi (lên) v.v. đều ngụ ý ngoi ra.

Các tiếng quát, quạt, quất, quật, quăng, quẳng v.v. đều hàm ý cứng cỏi, không phải là không liên quan với phụ âm *qu*.

Các tiếng mềm mại, mịn, mượt, mướt, mơn mớn, mỡ v.v. đều hàm ý mềm, không phải là không liên hệ với ) phụ âm lỏng *m*.  
(Võ Phiến - Chúng ta qua tiếng nói)

### Càn khôn

Càn: trời. Khôn: đất. Nghĩa trời đất.

Thơ Nguyễn Đình Chiểu:

“Làm người trung nghĩa đáng bia son  
Đứng giữa càn khôn tiếng chằng mòn”.

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Theo tự điển tiếng Việt ở Hà Nội (Văn Tân Nguyễn văn Đạm):

Liệt: là nói

### 31 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Năm 1954 hai vợ chồng tôi cùng hai đứa con gái đầu lòng và cô em gái – năm người cả thầy – ra phi trường di cư vô Nam. Danh từ thời thượng mệnh danh là Bắc Cờ Năm Mười Tư Thuở đó tôi còn là sinh viên, gặp Trần Thanh Hiệp, sinh viên Luật Khoa, chúng tôi bèn thành lập đoàn thể Đoàn Sinh Viên Hà Nội Di Cư (ĐSVHND), Trần Thanh Hiệp đứng ra làm chủ tịch. Để giới thiệu ĐSVHND nhân dịp chào mừng mùa Xuân năm đó, chúng tôi cho in tập Xuân Chuyển Hướng. Tôi còn nhớ trước 1954 - thuở còn ở ngoài Bắc – tôi sớm có khuynh hướng viết văn, hoàn tất được một truyện ngắn đầu tay dưới dạng một truyện cổ tích mang tên là “Sợ Lửa”. Di cư vô Nam năm 1954, may sao tôi có mang theo bản thảo *Sợ Lửa* và cho đăng vào tập Xuân Chuyển Hướng này! Thế là như lửa gặp gió, tôi tiếp tục . . . tiếp tục sáng tác để chính thức đi vào nghiệp cầm bút của nhà văn bên cạnh sự nghiệp cầm phấn của nhà giáo sau này. Sau tập Xuân Chuyển Hướng tôi đứng ra làm chủ nhiệm tờ tuần báo Người Việt nhưng cũng chỉ được vài số là đình bản. Sau đó gặp thêm Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, hai họa sĩ Duy Thanh và Ngọc Dũng nữa, thế là chúng tôi xúm lại chủ trương nguyệt san SÁNG TẠO – vào năm 1956 thì phải, nếu tôi nhớ không lầm! Tòa soạn Sáng Tạo ở đường Ký Con. Truyện dài đầu tay Dòng Sông Định Mệnh của tôi đăng trên Sáng Tạo trước khi in thành sách. Sáng Tạo ra được tới số 30 hay 31 thì đình bản. Các văn hữu từ đó vẫn gọi nhóm chúng tôi – Mai Thảo - Nguyễn Sỹ Tế - Ngọc Dũng – Duy Thanh là nhóm Sáng Tạo – Tòa soạn ở đường Ký Con !

(Nhìn lại một thời – Doãn Quốc Sỹ)

## Kheo khảy

Kheo khảy ; thanh cảnh, mỏng manh

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Đặt lễ quê thói với phong tục cổ truyền

### Lễ vấn danh

"Lễ vấn danh" là lễ nhà trai đến nhà gái để hỏi tên tuổi cô gái, ngày nay gọi là lễ "Chạm ngõ" hay là lễ "Dạm" (có nơi kiêm cả lễ dạm và hỏi cùng một lúc gọi là lễ dạm hỏi). Truyện Kiều có câu "Tiện đưa canh thiếp trước cầm làm ghi". "Canh thiếp" là giấy ghi họ tên, tuổi, quê quán, con ai.

Trước 1945, ở nhà quê, con gái từ khi sinh đến khi lấy chồng vẫn chưa đặt tên, nếu như gia đình không cho con gái đi học. Con gái không cần vào sổ họ, sổ làng, không đi học nên cũng không cần đặt tên vội. ở trong nhà con gái mới sinh ra được gọi là con Hím, con Mực, con Chắt em... Đến làm lễ vấn danh, ông bác hoặc bố mới đặt cho cái tên để ghi trong giấy hôn thú, có khi chính người mang tên cũng không biết mình mang tên gì trong giấy hôn thú, vì khi về nhà chồng lại gọi theo tên chồng, khi có con gọi theo tên con, có cháu đích tôn gọi theo tên cháu. Lễ vấn danh không phải để hỏi tên mà chủ yếu là hỏi tuổi, để hai họ quyết định đôi nam nữ hợp tuổi nhau thì lấy được nhau, tuổi xung khắc thì thôi.

Trong hôn nhân xưa chỉ chú trọng có môn đăng hộ đối hay không, có hợp tuổi hay không, gia đình nào thận trọng mới tìm hiểu kỹ "Công, dung, ngôn, hạnh" (thường là các gia đình gia giáo). Chẳng những các chàng trai, trước khi cưới chưa biết mặt vợ, mà có những ông bố chồng là người chủ động đi hỏi dâu cũng không biết mặt con dâu, do đó trong gia đình sau này mới xảy ra nhiều chuyện oái oăm:

- "Cảm ơn ông bà thương đến, tôi xin đồng ý gả, nhưng xin thưa chuyện trước: con tôi mồm mép chẳng bằng ai!"

Tưởng như vậy là mình tìm được con dâu hiền hậu, không đánh đá chua ngoa, ai ngờ cưới về mới biết con dâu sứt môi!. Nhưng đã lỡ việc, biết tính sao?

Lại có trường hợp đánh tráo: Khi đi hỏi thì cho thằng em nhanh nhẹn và "sạch mặt" hơn đóng vai chàng rể, đến khi cưới thì lại cưới cho thằng anh đần độn, xấu xí.

### Giai thoại làng văn

Một lần tôi đến thăm Nguyễn Hồng. Không thể tưởng tượng được nhà ở của một cán bộ giảng dạy đại học mà lại khốn khổ đến thế. Như một cái lều vệt, dựng trên một bãi rác, sau lưng là một dãy nhà xí, cái nào cũng mất cửa.

Nguyễn Hồng đang ngồi uống rượu. ông nhắm rượu với một đĩa rau củ cải luộc (ngọn rau, lá rau chứ không phải củ cải). Vậy mà ông cũng nhắm nháp ra vẻ đắc ý lắm. Nguyễn Đình Thi còn nói với tôi, có lần còn bắt gặp ông nhắm rượu với cơm nguội. Ấy là cái hồi ông phụ trách trại bồi dưỡng nhà văn trẻ ở Quảng Bá. Ông dặn mọi người, sau 10 giờ tối, ông đóng cửa phòng, làm việc riêng, không tiếp khách. Hôm ấy, Nguyễn Đình Thi có việc gì đó khẩn cấp cần gặp ông. Anh đẩy cửa phòng Nguyễn Hồng sau 10 giờ tối, thấy ông đang nhắm rượu với cơm nguội.

Nguyễn Đình Thi cười: *"Đấy, nhà văn Việt Nam ăn chơi thế đấy!"*

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

### 32 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Tôi cũng thường đọc trên đài một Thư Hà Nội gửi nhà văn Quan Sơn ở Sài Gòn. Chẳng mấy ai biết bút hiệu ấy của Doãn Quốc Sỹ ngày trước trên tuần báo Tiểu Thuyết Thứ Năm. Doãn Quốc Sỹ người Cầu Giấy, gần làng tôi. Chúng tôi quen nhau khi mới cầm bút. Một trong

những truyện ngắn đầu tiên của Doãn Quốc Sỹ, Đồi mắt của Hiền, cô Hiền ấy, con gái bác Tú Mỡ. Bức thư tình đăng báo mà rồi nên nhân duyên.

Doãn Quốc Sỹ theo nhà vợ tản cư ra Bắc Giang ít lâu rồi vào Hà Nội, rồi di cư vào Nam. Báo chí và nhà xuất bản ở Sài Gòn in sáng tác của Doãn Quốc Sỹ, lại biết Sỹ dạy học ở Hà Tiên, tu nghiệp ở Mỹ mấy năm. Chẳng biết cách mạng có nợ tiền, nợ máu gì với cái gia đình công chức còm ở một làng làm nghề dệt nghề giấy ngoại ô này không, tôi tin là không, thế mà Doãn Quốc Sỹ viết chửi cộng sản hăng thế. Chắc chẳng khi nào Doãn Quốc Sỹ nghe bài của tôi để biết đến những tiếng nói cùng quê của anh.

(Doãn Quốc Sỹ như tôi biết – Tô Hoài)

### Thành ngữ và danh ngôn

Cha ông xưa đúc kết được kinh nghiệm sống và truyền khẩu cho đời con cháu mai sau qua ca dao và thành ngữ...Nay con cháu mai sau đời sau chế tác "lung tung, trống kèn" những thành ngữ, danh ngôn cho riêng họ :

- Không phải người đàn bà nào cũng đẹp và không phải người đẹp nào cũng là đàn bà.
- Không có người phụ nữ xấu, chỉ có người phụ nữ...không đẹp.
- Bạn đừng bao giờ nên tán tỉnh 1 người phụ nữ đang....đi với chồng cô ta
- Nếu bạn mặc quần áo ra đường mà bị chê xấu thì tốt nhất bạn không nên mặc quần áo nữa.

### Trích...“Tập làm văn”

Đề: Tả anh bộ đội

Anh bộ đội cao khoảng 1,20m, súng AK dài 1m rưỡi.

### Chữ Việt gốc Tàu

Có thể nói đa số những chữ trong tiếng Việt là tiếng Hán Việt. Hiện nay cho đến đầu thế kỷ 21, trong bộ môn nghiên cứu và biên khảo, tiếng Hán Việt chiếm 30%, truyện 9%, và báo chí 29%...

Còn chữ Việt gốc Tàu (hay tiếng Việt gốc Tàu) là những chữ, những âm mà ta dùng thẳng từ của người Tàu hiện tại và dùng âm của mẫu tự quốc ngữ viết lại (có khi hơi nói trại đi một chút vì không có chữ tương đương). Và khi ta nói lên tiếng đó, người Tàu “liên hệ” có thể hiểu được.

Thí dụ hai chữ *xíu mai* là chữ Việt gốc Tàu Quảng Đông.

Nhưng *xí lất léo* là chữ Việt gốc Tàu. Chữ nguyên thủy Hán Việt là “tử liêu”. Tiếng Triều Châu có nghĩa là...”chết”.

Ta đọc trại đi là...*xí lất léo*.

(Nguyễn Hữu Phước – đặc san Phù Sa Sông Cửu)

### Cá mè đê cá chép

Trong tiếng Việt, bên cạnh những câu tục ngữ chỉ có một nghĩa là nghĩa đen (Ví dụ: Trời nắng, cỏ gà trắng thì mưa) hoặc nghĩa bóng (Ví dụ: Gió Sơn Tây trúc cây Hà Nội) là những câu có hai nghĩa, tức cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Như:

Nghĩa đen: Cá mè ăn nổi ở tầng trên, cá chép sống ở tầng giữa.

Nghĩa bóng: - Cùng họ hàng, đồng loại mà đê nén, chèn ép nhau.

(Phan Trọng Hoa - Tính nhiều nghĩa hay đa nghĩa của tục ngữ)

## Lão bạng sanh châu

Bạng: *con trai*. Châu: ngọc.  
Ý già (như ngao, trai) rồi mà vẫn còn có con.

## Nhà Nho

Năm Ất Mão (1075), Lý Nhân Tông (Càn Đức) mở khoa thi tuyển “Minh kinh bác học” - Bắt đầu khảo thí học trò bằng ba kỳ thi. Trước đó, khi chưa có khoa cử, những người được cất nhắc, bổ dụng ra làm quan đều phải tiến thân bằng con đường Phật giáo. Đây là khoa thi đầu tiên trong lịch sử khoa cử nước ta.

Đỗ đầu khoa đó (trong số hơn 10 người trúng tuyển) là Lê Văn Thịnh người xã Đông Cứu, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi đỗ, ông được vào cung hầu vua (lúc đó mới 7 tuổi) học tập. Hơn một năm sau – Tháng Chạp năm Bính Thìn (1076) - Từ chức Nội cấp sự, ông được phong làm Binh bộ thị lang. Trong cuộc đời 21 năm làm quan dưới triều Lý Nhân Tông, Lê Văn Thịnh đã có một đóng góp to lớn trong lịch sử bang giao. Đó là lần ông được cử đi sứ sang nhà Tống vào tháng 6 năm Giáp Tý (1084) để bàn định về việc cương giới.

(Phùng Thành Chung - Người khai khoa nền khoa cử nước ta)

## Chữ nghĩa làng văn

Trước kia có giai thoại học trò xứ Quảng ra Huế thi mang theo con “cá gỗ” để chấm với nước mắm ăn cơm.

Sau người miền Nam có thành ngữ “Bắc Kỳ ăn cá cá rô cây” chỉ người miền Bắc nghèo nàn cũng chấm với nước mắm ăn cơm.

Từ con “cá gỗ” để có “cá rô...cây”?

## Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao

Từ điển thuật ngữ văn học gọi chơi chữ là "lộng ngữ" và giải thích: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người, người nghe. Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: *nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ gần nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau*. Nhiều khi cách chơi chữ đồng âm này tránh được cái tục, một sự nói tránh hết sức tinh tế:

*Sáng trắng em nghĩ tối trời  
Em ngồi em để **sự** đời em ra  
**Sự** đời em bằng lá đa  
Đen như mồm chó chém cha **sự** đời*

Cái sự đời mà câu ca dao đề cập bằng việc dùng nghĩa lấp lửng nước đôi như trên chắc chắn rằng ai cũng biết đó là cái gì rồi!

(Trần Minh Thương - Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao Việt Nam)

## Chữ nghĩa làng văn

Lỗ Ban, còn gọi là “cung ban” là thợ mộc danh tiếng người nước Lỗ thời Xuân Thu, sau được tôn làm tổ nghề mộc.

Tương truyền khi làm nhà cho ai, Lỗ Ban thường dán bùa trừ tà cho gia chủ hay ngược lại, ếm nhà gia chủ cho điên đảo sau này.

Bùa ấy gọi là bùa Lỗ Ban.

(Bút Chì – Hiểu đúng thành ngữ, tục ngữ, điển tích)

## Chữ và nghĩa

Văn học trong nước, chúng ta cũng có thể tìm thấy những kết cấu theo dạng "... như nó đã là." hay "như nó đã từng." để chấm dứt một câu văn. Kết cấu này chính là từ cụm "... as it was."

Hoặc "... as it had ever been.", một đặc điểm trong lối viết của cú pháp Anh, Mỹ. Như trong: "Hãy trả ngôn ngữ về vị trí độc lập như nó đã từng.", hay "Cần phải trả ngôn ngữ về với ngôn ngữ, về đúng vị trí và chức năng của nó, như nó đã từng."

So với kết cấu "được mô tả là" đã nói ở trên, kết cấu này có nhiều phần xa lạ hơn. Hiện tại, nó chưa có nét Việt lắm.

(Bùi Vĩnh Phú – Trên những đường bay của chữ)

## Sự phát triển của tiếng Việt I

Trong bài Miền Nam Khai Phóng, chúng tôi đã đề cập đến Thầy Lazarô Phiền của Nguyễn Trọng Quản, cuốn tiểu thuyết đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ cũng như một số khai phá tiên phong về văn học báo chí mở đường cho nền văn học bằng chữ quốc ngữ như ngày nay.

Sau đó chúng tôi khám phá thêm công trình nghiên cứu Lục Châu Học, dựa vào Văn, Sử bằng chữ quốc ngữ xuất bản ở miền Nam Việt Nam 1860-1930, tìm hiểu con người vùng đất mới. Trong bài này, chúng tôi sẽ giới thiệu cuốn Sấm Truyền Ca, cuốn sử Đại Nam Việt Quốc Triều Sử Ký và Truyện Ông Gioang Ngô Kim Thạch cũng như một vài khám phá khác về những đóng góp văn học và văn hóa của miền Nam; từ đó chúng tôi sẽ nêu một số ý kiến về sự phát triển của tiếng Việt.

(Nguyễn Vy Khanh - Tiếng Việt một số tác phẩm mới phát hiện)

## Chữ và nghĩa

"Ấn tượng", dùng như tính từ (*to be impressed*, theo kiểu Anh Mỹ), được một số người (đặc biệt là giới trẻ) trong nước dùng. Cách dùng như thế tạo một hiệu ứng nhấn mạnh, vì nó biến một danh từ thành tính từ. Chẳng hạn, "Màn trình diễn ấy rất ấn tượng". Cũng thế, với những đối tượng trên, từ "thần tượng", vốn là một danh từ, cũng có thể được sử dụng như một động từ (*to idolize*), "Chúng em rất 'thần tượng' nhà thơ X".

Lối dùng này, đa số từ giới trẻ, nhiều phần là do ảnh hưởng về mặt từ pháp theo kiểu Anh Mỹ đang được một tầng lớp đông đảo người Việt Nam trong nước, đặc biệt là giới trẻ, ưa thích. Sự vay mượn này cũng là một điều dễ hiểu, vay mượn như thế cũng nằm trong những quy luật của sự trao đổi và tiếp biến ngôn ngữ nói chung trên thế giới. Vấn đề còn lại chỉ là sự ý thức. Để không biến những biểu hiện của một quy luật chung thành một sự hào hứng, quá đà, có thể đi đến chỗ làm mất bản sắc ngôn ngữ dân tộc.

(Bùi Vĩnh Phú – Trên những đường bay của chữ)

## Câu đối tập cú

Những câu lấy chữ sẵn ở trong sách hoặc ở tục ngữ, ca dao.

*Gái có chồng như rồng có vây, gái không chồng như cối xay không ngõng hoặc giả như Con có cha như nhà có nóc, con không cha như nòng nọc đứt đuôi.*

(Trích từ Văn Hóa Việt)



## Ca dao

Đề cập đến văn chương, chúng ta không thể nào bỏ qua thi ca bình dân mà ca dao là một trong những thể này. Từ lâu, ca dao đã đi vào lòng dân tộc về những nét bông đùa, hóm hỉnh, dí dỏm trong kho tàng văn chương bình dân của tiếng Việt ta. Như có những câu ca sao có hơi ngộ nghĩnh với ông láng giềng:

*Đêm qua để cửa chờ chồng*

*Đêm nay để cửa chờ ông láng giềng.*

Hay:

*Cái giường mà biết nói năng,*

*Thì ông hàng xóm hàm răng chẳng còn.*

(Lê Thương - Ca dao trào phúng)

## Tao nhát lắm

Nguyễn Khải khác hẳn Nguyễn Ngọc. Thiết thực, không phiêu lưu mạo hiểm, không muốn chết, không muốn đi tù. Anh tự nhận luôn là thằng hèn cho người ta khỏi phải bàn tán lời thôi. Sau cuộc hội nghị nhà văn đảng viên, bản đề cương của Nguyễn Ngọc bị Tố Hữu đánh, Nguyễn Khải vốn nhất trí với Nguyễn Ngọc trong vụ này, nên sợ quá. Anh nói thẳng với Nguyễn Ngọc:

*“Tao nhát lắm, chưa đánh đã khai. Cho tao chạy đi thôi, mày thông cảm, đừng khai tao ra nhé”.*

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

## 33 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nói tới nhà văn Mai Thảo, trong hơn hai mươi năm qua, ở hải ngoại, người ta chỉ có thể hình dung ông trong cung cách lạnh lùng, lừng khừng của một nhà văn lưu vong. Hoặc người ta nhớ tới ông, trong câu chuyện của một ông già, mỗi buổi sáng thường lững thững trên một đoạn đường Bolsa (khúc nối liền giữa khu chợ 99 và Phước Lộc Thọ). Ở khúc đường này, nhiều lần, cảnh sát đã chặn ông lại, nhét vào túi ông những tấm giấy phạt vì tội... “vi phạm luật đi... bộ!”

Ông bị phạt nhiều tới độ ông trở thành một nhân vật... nổi tiếng của Hội Đồng Thành Phố Westminster. Tôi nhớ, năm 1996, một nhóm anh em văn nghệ sĩ đứng ra tổ chức “Đêm Mai Thảo,” tại hý viện Westminster Auditorium, thuộc thành phố Westminster. Nghị Viên Lâm Quang, lúc đó còn là quyền thị trưởng thành phố Westminster, lên sân khấu trao bằng “Ngợi Ca Thành Tích Văn Học” cho nhà văn Mai Thảo.

Trong phần phát biểu, Nghị Viên Lâm Quang chuyển lời xin lỗi của Hội Đồng Thành Phố và, của cảnh sát trưởng thành phố này, tới tác giả “Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đèn.”

(Mai Thảo. mãi mãi. ký ức – Du Tử Lê)

## Chữ Việt cổ

mọ : cụ già

(Phạm Xuân Độ)

## Giai thoại làng văn

Và một đêm, ngồi châm diếu thuốc trên một cái lầu vắng vẻ, nghe gió thu về làm xao động cảnh hoàng lan ngoài cửa sổ, tôi nhớ đến người mẹ van xin tôi đừng làm nghề báo bỗ. “Nghề báo đưa người ta bất cứ đâu, miễn là thoát được nó ra”...

Thoát được nó ra, nhưng thoát bằng cách nào đây? Đêm hôm đó, nằm trên một cái giường

lạnh, có bóng trắng soi, tôi lằm nhằm nhớ lại những người bạn cùng nghề xem những ai thoát được “nó”, mà những ai còn vương vít tơ tằm với “nó”: Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Như Hoàn, Việt Bằng, Cuồng Sỹ, Đào Trinh Nhất, Nguyễn Khắc Hiếu, Nguyễn Mạnh Bổng, Nguyễn Phan Lãng, Nghiêm Xuân Lâm, Hoàng Cừ, Đặng Văn Hinh, Trương Anh Tự, Hoàng Tích Chu... các bạn ấy đã thoát, thoát hẳn, thoát để không bao giờ trở lại cõi đời này nữa, nhưng cũng còn bao nhiêu người khác thoát được “nó” mà thoát được một cách vẻ vang.

Đó là trường hợp Phạm Quỳnh, nhảy một bước từ phố Hàng Da vào làm thượng thư ở Huế; và Nguyễn Tiến Lãng, bí thư của Hoàng hậu Nam Phương

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

## Tiếng Tàu

Trời đất! tui nghe là: Trau giồi tiếng Việt, lật đật chạy vô, ai dè...thấy toàn tiếng Tàu!!!

Tiếng Việt mình hoàn toàn khác tiếng Tàu, bà con ạ!

(Trau giồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

## Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

### Người trong họ có lấy nhau

Ở nước ta, dưới triều Trần, con cháu nhà vua chỉ được lấy người trong hoàng tộc (lấy sang họ khác sợ bị nạn ngoại thích cướp ngôi). Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn lấy Thiên Thành công chúa, tức là cô ruột của mình. Vua Trần Thánh Tông lấy Thiên Cảm Hoàng hậu, tức chị con bác ruột. Vua Trần Minh Tông lấy Lệ Thánh Hoàng hậu, tức con chú ruột, đều là cháu nội vua Trần Nhân Tông vv...

Còn trong dân gian từ triều Lê về sau, nếu trong họ nội thân cùng quê mà lấy nhau gọi là hôn thú, họ hàng không chấp nhận. Nếu cùng họ nhưng đã xa đời, thuộc chi khác nhau hay đã xa quê (gọi là biệt tổ ly tông) thì vẫn lấy nhau được. Thời xưa, do trọng nam khinh nữ, hoặc thiếu hiểu biết về gien di truyền, nên anh chị em con cô, cậu ruột coi như khác họ vẫn có quyền làm thông gia với nhau. Ca dao tục ngữ trong dân gian còn ca ngợi trường hợp cháu cậu mà lấy cháu cô, coi như "Thóc lúa trong bồ, giống má nhà ta". Nhưng di truyền học đã khẳng định rằng người có chung huyết thống mà có con với nhau thì qua nhiều đời dòng giống bị thoái hoá, có trường hợp bị quái thai, vì vậy anh em họ lấy nhau, kể cả họ nội hay họ ngoại đều không có lợi.

Luật pháp nước ta qui định cùng chung huyết thống ba đời, kể cả bên bố hay bên mẹ, đều không được lấy nhau.

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

#### 2. ba đào 波濤

Soạn giả giải thích: ba = sóng; đào = dậy sóng; và, ba đào = chìm nổi gian truân. Theo chữ Hán, ba 波 là sóng (nghĩa là mặt nước bồng bênh nhấp nhô), đào 濤 là sóng lớn (danh từ) chứ không phải là dậy sóng (động từ). Ba đào nghĩa là sóng nước, chỉ cảnh chìm nổi lên xuống trong cuộc đời. Đã soạn từ điển thì phải tra cứu thật cẩn thận rồi mới nên viết ra, vì từ điển là sách tra cứu cho mọi người, góp phần đào tạo con em chúng ta “nên người”.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)



### 34 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Hành lang lạnh. Trắng. Hun hút những câu hỏi không câu trả lời nơi những cửa phòng đánh số và, những ngã rẽ. Đôi ba bóng người hiện ra, rồi biến đi, tựa hình ma hay, bóng quế! Bình nước tiểu sòng sánh chút nước đỏ cạch cùng những tấm drap được mang ra cùng nụ cười của người đàn bà Mễ Tây Cơ. Chúng tôi bước vào. Đôi mắt anh sáng lên. Anh ra dấu bảo tôi cho anh một miếng thuốc. Những ngón tay dài ngoẵng, đúng hơn những lóng xương nối nhau, khó nhọc đưa lên gần đôi môi mỏng, mím, nơi khuôn mặt đã biến dạng. Anh ra dấu. Ra dấu. Ra dấu.

Vài giây im lặng qua đi. Tôi hỏi:

“Anh cần gì? Thuốc lá phải không anh?”

Ánh rạng rỡ nơi đôi mắt anh, tăng cấp số nhân. Lại thêm vài giây im lặng lẫn qua. Ánh rạng rỡ ngúm tắt. Tôi đọc được ý nài nỉ nơi cái đầu Anh cố gắng đưa xuống gần ngực. Tôi đọc được ý nài nỉ nơi đuôi mắt anh chuyển động. Nháy. Nháy.

Hành lang lạnh. Trắng. Hun hút những câu hỏi không câu trả lời nơi những căn phòng đánh số và những ngã rẽ. Đôi ba người hiện ra, biến đi, tựa những hình ma hay bóng quế.

Những lóng xương xếp thành hình dạng những ngón tay dài ngoẵng, lại lầy bầy nhấc lên.

Chúng lại khó khăn, vất vả đưa về gần đôi môi mỏng, mím. Lần này, cùng với thủ hiệu, là đuôi mắt trái của anh nháy. Nháy. Tôi chỉ còn chọn lựa sau cùng, dối gạt nài nỉ kia:

“Vâng. Anh để tôi xuống xe lấy thuốc lá cho anh.”

Tôi đi thẳng một mạch ra thang máy. Những mẩu thuốc nở, trương, sưng nước hờ hênh cười nhạo trên dưới ánh đèn. Mưa tiếp. Núp dưới hiên, tôi rút một miếng thuốc. Đốt cho chính mình, cho mưa, và, cho sự dối gạt còn mẫn, ướt trên môi tôi.

(Mai Thảo. mãi mãi. ký ức – Du Tử Lê)

#### Khoét

Khoét ; nói dối

(nói khoét – nói như mỏ khoét)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

#### Ba que xỏ lá

Trong thời Pháp thuộc, có một bọn người chuyên tổ chức những "trò chơi có thưởng". Trò chơi của bọn họ gồm một cái que và ba chiếc lá. Mỗi lá có dính một chiếc vòng nhỏ ở cuống. Người chơi cầm cái que nhỏ xỏ vào ba vòng này. Mỗi người chỉ được xỏ một lần. Người nào xỏ vào được một lúc cả ba lá và nhấc được chúng lên thì được lĩnh thưởng. Ai xỏ trật, tức xỏ không vào lá nào hoặc chỉ vào một trong ba lá, sẽ mất toi số tiền đặt cược.

Cũng liên quan tới trò chơi này, có người kể lại cách thức chơi của bọn chủ trò có khác chút ít. Chúng thường dùng ba que nhỏ, trong đó chỉ có một que xỏ vào chiếc lá rồi chìa cho mọi người xem. Chúng tuyên bố rằng nếu ai rút trúng que có chiếc lá khi chúng nắm tay lại thì người đó trúng thưởng. Ngược lại, người chơi sẽ mất số tiền đặt cược trước. Dù chơi theo cách thức nào đi nữa, thì bọn chủ trò vẫn có nhiều mưu mẹo, khiến cho người chơi bao giờ cũng thua cuộc. Vì thế, người ta mới gọi bọn chủ trò là bọn "ba que xỏ lá" với hàm ý là bọn bịp bợm, lừa đảo, dối trá. Từ cách thức chơi thứ nhất, nhiều người cho rằng hình thức ban đầu của "ba que xỏ lá" là "xỏ lá ba que".

Sở dĩ có sự thay đổi này là do việc đọc chệch cho thuận miệng, dễ đọc, dễ nhớ. Thành ngữ "ba que xỏ lá" dần dần được dùng để chỉ tất cả những hạng người lừa lọc, bịp bợm, đều cang. Trong quá trình xử dụng, thành ngữ "ba que xỏ lá", được tách thành hai vế "ba que", "xỏ lá". Các bộ phận được tách ra này đã gia nhập vào vốn từ vựng tiếng Việt. Về ý nghĩa, các từ "ba

que", "xỏ lá" được dùng tương tự như thành ngữ "ba que xỏ lá".

## Khoi

Khoi : lạch nước  
(khoi nước)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### “Hư từ” với...“dễ”

"Hư từ", theo Hồ Ngọc Đức là những: *"Từ không tiêu biểu cho sự vật, hành động hoặc không có đối tượng và chỉ biểu thị những mối quan hệ giữa các thực từ trong câu."*

Chẳng hạn như từ "dễ", theo thói thường, giữ vai trạng từ trong ngữ pháp, phản nghĩa với "khó". Ấy mà, trong lời ta thán thường nghe: "Đàn bà *dễ* có mấy tay!", "dễ" giữ nhiệm vụ gì, khó xác định sao cho chính xác. Khác với: "Con bé ấy càng lớn trông càng *dễ* thương", "dễ" có nghĩa như "đáng". Nhưng tuyệt đối, không ai nói: "Con bé ấy càng lớn trông càng *đáng* thương", vì ý nghĩa của hai câu nói khác nhau nhiều lắm. Tinh tiết trong ngôn ngữ Việt đâu phải chỉ đơn giản bao nhiêu đó. Vì, nếu như "thương" được thay bằng "yêu", ta sẽ có "dễ yêu" cũng như "đáng yêu", thì "dễ" và "đáng" lại đồng nghĩa với nhau, mới chết!

"Dễ" còn được người Việt sử dụng trong lời khen: "Thằng đó không biết ăn nhằm giống gì mà lấy được con vợ đẹp *dễ* sợ." Hay: "Tao mới làm quen được con nhỏ kia đẹp *ác*." Điểm ngộ nghĩnh trong hai thí dụ vừa nêu là biến tính của hai từ "sợ" và "ác". Nghĩa tiêu cực thuần túy của chúng tan biến đâu mất, để hỗ trợ tích cực, "nâng cấp" tính đẹp lên tột đỉnh, vượt qua ý niệm giới hạn của "sợ" và "ác"!!! Như thế ở cực điểm, ngôn ngữ cường điệu có khả năng triệt tiêu cả đối tính. Tương tự vậy, người Việt nói: "Con vợ thằng chả nói năng vụng về vậy mà nấu ăn ngon *ghê!*" thay cho "ngon quá"; hoặc "Ca sĩ X không rành nhạc lý gì hết, vậy mà hát hay *kinh khủng!*" thay vì "hay tuyệt". Lại... ghê!

(Ngô Nguyên Dũng - “Áo từ” hay “biến từ” trong tiếng Việt?)

## Chữ Quốc ngữ

Người có công rất lớn trong việc truyền bá và phát triển chữ quốc ngữ phải kể đến Nguyễn Văn Vĩnh.

Ông không sáng tác nhiều nhưng các tác phẩm dịch và những hoạt động ý nghĩa của ông đã góp phần vào quá trình tạo nên ngôn ngữ thuần Việt, chính là chữ quốc ngữ chúng ta sử dụng bây giờ. Tuy nhiên, ông là người không thích được ca ngợi nên những việc ông đã làm ít ai được biết đến, công nhận.

Như trong hồi ký của mình, nhà văn Vũ Bằng đã viết: *"Nguyễn Văn Vĩnh từng nói rằng, nếu cuộc đời này có một cái nhà kính để sống, để quan sát thì tôi sẽ đứng trong nhà kính đó"*.

(Thu Thảo - Chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ mới là thuần Việt)

## Giai thoại làng văn

Mục "Tử vi của bạn" có một dạo được coi như là một mục "tử" của tờ báo: Đàn ông cầm tờ báo giờ liền ra xem mình tuổi Quý Mão ra sao, và vợ mình tuổi Tỵ hôm nay xui hay là hên, có làm xong cái áp phe ấy hay không, còn đàn bà tuổi Thìn, hôm nay tốt hay xấu và có hy vọng có tiền hay không. Tôi quen nhiều ông thầy số phụ trách về mục tử vi như thế: Có ông "bao" sáu bảy tờ, ký hai ba tên hiệu khác nhau, cứ đầu tháng lại cho người đưa đến cho mỗi báo một cuốn số, xào đi xào lại cho khác nhau, tựu trung thì nói "bổ lão" hết vì tôi biết chắc có anh ham ăn ham chơi quá đã bảo thư ký lấy tử vi năm 1957 chép lại cho các báo xuất bản năm 1961 đăng tải và, hơn thế, chính tôi đã biết những ông nhà báo đăng làm tử vi tháng 5 vào

tháng 8 và tháng 1 vào tháng 11, làm nam ra nữ, nữ ra nam, mà độc giả vẫn chịu mục tử vì của báo này, báo nợ “đoán trúng phong phúc, không chịu được”.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

### **Khoa cử (1)**

Thời nhà Lý ta mới có khoa cử, vì vậy trước đó sĩ phu muốn học cao hơn hay thi tiến sĩ phải qua Tàu. Năm 845, vua nhà Đường hạn chế sĩ tử của ta sang thi khoa tiến sĩ không được quá 8 người. Thi khoa Minh kinh (giảng giải kinh sách) không quá 10 người. Những người hiền đạt không nhiều như:

Đời Hán Minh đế (58-75) có Trương Trọng, đời Hán Linh đế (184-189) có Lý Tiến, đời Đường Đức Tôn có Khương Thần Dực...

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – Lối xưa xe ngựa...)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã (1)**

Ta thường gọi nôm na là Tàu cùng những biến thể như người Ba Tàu, Ba Tàu, các chú, chú chệt, v...v...

Gia Định Báo số 5, ngày 16/21/1870:

“...An Nam ta kêu là Tàu vì họ đi tàu qua đây buôn bán.

Từ Ba Tàu có thể giải thích như sau: Ba là vùng đất dành cho người Tàu sinh sống và buôn bán là vùng Cù Lao Phố (Đồng Nai), Sài Gòn-Chợ Lớn, và Hà Tiên.

Từ Tàu bắt nguồn từ phương tiện đi lại của người Hoa khi sang An Nam để có Ba Tàu Nhưng dần dần từ “ba tàu” có nghĩa miệt thị, gây ảnh hưởng xấu...”

(Nguyễn Ngọc Chính – Ngôn ngữ Sài Gòn xưa)

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**



Tản Đà đã từng nhiều lần làm thơ bộc bạch nỗi gian truân, túng bấn của mình. Trong một bài thơ, ông đã nói về việc khát nợ tiền nhà như sau:

Hôm qua chưa có tiền nhà  
Suốt đêm thơ nghĩ chẳng ra câu nào  
Đi ra rồi lại đi vào  
Quần quanh chỉ tốn thuốc lào vì thơ

Tất nhiên, tiền nhà chưa đóng được bởi nhiều lý do. Nhưng chắc chắn còn một lý do nữa, đó là lối tiêu pha bốc đồng của thi sĩ. Nhà văn Ngô Tất Tố từng kể: Thời kỳ ông cùng Tản Đà vào Nam tham gia viết cho tờ Đông Pháp thời báo, lương báo trả cho Ngô Tất Tố là 80 đồng, Tản Đà là 100 đồng, tiền thuê nhà chỉ phải trả 28 đồng, vậy mà, theo như lời nhà văn Ngô Tất Tố: "Không tháng nào ông Tản Đà không phải lật đật về chạy tiền nhà".

Một hôm, vì chủ nhà thúc giục riết quá, ông Tản Đà, sau khi đã ăn tối phải thân hành đi Sài Gòn vay tiền. Vào khoảng 11 giờ đêm, Tản Đà lật đật trở về với trai rượu rum, con vịt quay và vài món khác.

Mới vào tới cửa, ông đã lắc đầu than phiền: "Hồng cả ông ạ!".  
Ngô Tất Tố ngạc nhiên: "Hồng, hồng cái gì?".

Tản Đà thân nhiên cất giọng:

- Chỉ vay được hai chục đồng, trả tiền nhà thì vẫn còn thiếu tám đồng, đảng nào cũng vẫn còn nợ, tôi nghĩ, mua ít đồ đánh chén. Tất cả hết hơn mười đồng...

Trời ơi, đi vay rồi lại tiêu như thế này, thì đến bao giờ mới trả hết tiền nhà! Không bận tâm đến nỗi lo lắng của Ngô Tất Tố, Tản Đà gọi người đầy tớ tâm phúc của ông đem con vịt quay ra chặt.

Ông thủng thẳng bảo Ngô Tất Tố:

- Cứ chén đã. Tiền nhà rồi ta lại xoay...

### Từ lạc vong bản

"Vong" là "quên". Câu này nghĩa là uống rượu quên nghèo.  
Cũng như câu "Lạc đạo vong bản" nghĩa là vui đạo quên nghèo.

Người Tàu cũng có câu tương tự của Lý Bạch: 'Trừu đao đoạn thủy, thủy cánh lưu – Cử bôi tiêu sầu, sầu cánh sầu'.

(Duy Lý – báo Tự do)

### Giai thoại làng văn

Hoài Thanh con người sinh ra để đọc thơ, bình thơ, có lần nói với tôi: Có một bữa, ông Hoài Thanh nằm trên giường, có vẻ mệt. Bỗng ông nói với con: "Cha mà không có anh Lành (Tố Hữu) thì Bùi Công Trừng nó giết cha rồi!".

Té ra là thế! Cái chuyện vị nghệ thuật, vị nhân sinh có chết ai đâu mà những ông cộng sản làm to chuyện thế, và thù dai thế! Người ta đã đi theo kháng chiến bao năm rồi mà vẫn không tha (cho mãi đến kỳ tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I (1996), họ cũng không tặng cho Hoài Thanh, trong khi sẵn sàng tặng cho Hà Xuân Trường, Hồ Tôn Trinh, tuy sự nghiệp của hai vị này có đáng gì đâu so với Hoài Thanh.

Tôi cứ nghĩ mãi, không hiểu sao, đối với trí thức, các ông cộng sản lại hẹp hòi và ngu xuẩn đến thế. Anh Từ Sơn còn cho biết, hỏi Hoài Thanh phụ trách tuần báo *Văn nghệ*. Có một số báo, trang đầu in ảnh Trường Chinh, ảnh bị cái tít in quá đậm ở mặt sau làm mờ đi. Trường Chinh gọi Hoài Thanh đến nói: "*Anh in ảnh tôi như thế này à?*". Hoài Thanh sợ quá, cứ đi lang thang ngoài đường, vô cùng hoang mang. Cái án vị nghệ thuật trở thành cái án chính trị, vẫn như lưới gươm lơ lửng treo trên đầu.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

### Về một chữ "bù"

Cung Trầm Tường gắn bó với 5 bài thơ đã phổ nhạc, đó là *Mùa Thu Paris, Kiếp Sau, Về Đây, Khoác Kín và Chưa Bao Giờ Buồn Thế*. Trong năm bản nhạc thơ ấy, "*Kiếp sau*" ít nổi tiếng hơn cả, nhưng lại là bài hay nhất, nó đã đạt tới đỉnh nghệ thuật nhưng ít ai đề cập. Bài thơ rất ngắn, làm năm 1956 ở Sài Gòn. Đã hơn bốn mươi năm. Không một vết nhăn.:

*Bù em một thoáng trời gần,  
đơm hoa kết mộng cũng ngần ấy thôi!  
Bù em góp núi chung đôi  
thieu nương đốt lá cũng rồi hoang sơ  
Bù em xuôi có ngàn thơ,*

## *vấn nghe trắc trở bên bờ sông thương* (...)

Trò chuyện về thơ tức là chuyện trò với chữ - vấn đề ngữ sự - nói như Cung Trầm Tưởng. Trước hết là chữ bù. Bù em. Trong chữ bù chỉ thấy cho, chỉ "lấp đầy". Nguyên lý lấp đầy lại rất phụ nữ, rất nhục cảm, rất Sartrien, rất Cung Trầm Tưởng. Bù lại gần với âm bu. Bu là gọi mẹ theo tiếng quê ta. Bù em là ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ bùà chú -nói như Mallarmé - khác lạ, không giống ai: Ngôn ngữ vừa được nhà thơ tác tạo. Cả bài thơ có hơi cổ điển, có hồn ca dao. Nhưng không phải ca dao thuần túy mà là ca dao đã hóa thân, cổ điển đã tục lụy.

(Thế nhưng chữ "bù" đây không rõ nghĩa trong tự điển, nếu có thì bù là cây bầu, cây bí hay là thiếu, là không đủ - Thụy Khuê.

Thế nhưng "bù" đây là tiếng gọi vợ chồng thân mật với nhau)

(Cổ dao trong thơ Cung Trầm Tưởng - Thụy Khuê)

### **Khọn**

Khọn : con khỉ  
(con khọn)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **35 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ**

Tàn tre đan kín không gian, che khuất ánh sáng mặt trời chói chang bên trên, khiến khu rừng trở nên âm u, hoang vắng lạ lùng. Tiếng gà rừng xao xác... Vũ dừng lại lắng tai nghe ngóng. Dường như có tiếng lao xao vọng lại từ bên kia bờ suối, thì loáng thoáng nghe trong gió thoảng tiếng nói vọng đến: "Tụi mày biết không? Lúc tao ở Không Quân..." Giọng nói quen thuộc lắm.

Người đàn ông gầy guộc, làn da sạm đen, hai má hóp lại và khi cười để lộ hàm răng có những chiếc răng cửa bị gãy. Chung quanh anh, lơ nhố những người tù quần áo vá chằng, vá đụp đang kẻ đứng, người ngồi nghe anh nói chuyện. Chiếc điều cây lỏng chỏng trên nền đất. Trong trại tù thì chiếc điều cây là hình ảnh quen thuộc lúc nào cũng đi sát với cái tạo như vũ khí bên mình, chẳng thế mà có nhiều anh ví von là đeo Bazôka đó sao? Tiếng nói khiến Vũ nhớ đến một người bạn thân của một thời xa xưa: Dương Hùng Cường, tức Dê Húc Càn, nhà văn KQ, tác giả của Buồn Vui Phi Trường, Vĩnh Biệt Phượng... Vũ mạnh dạn bước về phía những người cải tạo đang quây quần nói chuyện. Người đàn ông ngồi bật dậy như giầy lò so, gọi:

- Vũ Uyên Giang! Mày phải không? Lại đây.

- Sao "ông" thay đổi nhiều quá vậy? Ở Trại nào ?

- Mẹ kiếp! Mày thì có hơn gì tao ? Cũng thay đổi như bất cứ thằng tù nào. Vào đây mà mày không thay đổi, cứ phây phây mập mập là làm hồng kế hoạch của đảng và nhà nước mất. Tao ở T.11, L.2. Còn mày? Cường hỏi. Anh vẫn giữ lối nói ồn ào, dí dỏm ấy.

- T.5, L.1

- Mày có gặp thằng nào "phe ta" không? Tao chẳng gặp thằng nào cả.

Vũ đáp:

- Có. Thằng Trần Ngọc Tự, Phí Ích Bành, Nguyễn Đức Quang, Dương Kiên, Dương Cự...

(Kỷ niệm trong tù với Dương Hùng Cường - Vũ Uyên Giang)

### **Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền**

## Bánh su sê

Trong lễ cưới có nhiều lễ vật, nhưng không thể thiếu bánh "su sê", nguyên xưa là bánh "phu thê", một số địa phương nói chệch thành bánh "su sê".

Bánh su sê làm bằng bột đường trắng, dừa, đậu xanh và các thứ hương ngũ vị, nặn hình tròn, bọc bằng hai khuôn hình vuông úp lại với nhau vừa khít, khuôn làm bằng lá dừa, lá cau hoặc lá dứa, vỏ để nguyên không luộc để giữ màu xanh thắm.

Sở dĩ gọi là bánh phu thê (chồng vợ) vì đó là biểu tượng của đôi vợ chồng phận đẹp duyên ưa: vuông tròn, trong trắng mềm dẻo, ngọt ngào, thơm tho, xanh thắm, đồng thời cũng là biểu tượng của đất trời (trời tròn, đất vuông) có âm dương ngũ hành: Ruột trắng, nhân vàng, hai vỏ xanh úp lại buộc bằng sợi dây hồng.

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Theo tự điển tiếng Việt ở Hà Nội (Văn Tân Nguyễn văn Đạm):

Lả lơ : dáng đi mệt nhọc

## Văn hóa thể hiện qua tiếng nói

Khi chiếm được toàn bộ miền Bắc năm 54, người ta chủ trương dùng tiếng Việt thay tiếng Hán. Nhưng vô lý là họ lại ghép một chữ Hán vào một chữ Việt đồng nghĩa chỉ với mục đích biến tiếng đơn thành tiếng đôi. Như:

- In **ấn**, **vụ** việc ..v..v..

Với mục đích biến tiếng đơn thành tiếng đôi, họ lại ghép hai chữ "**lễ**" và "**hội**" thành một, thành vô nghĩa. Vì lễ có tính cách thờ phượng, cúng bái. Trong khi hội là hội hè, đình đám vui chơi.

Vì vậy không thể ghép chung "**Lễ hội**" làm một để không phân biệt cái nào là lễ và cái nào là hội

(Mặc Giao – Văn hóa Việt)

## Hương quan

Trong Kiều có câu "**Giác hương quan luống lẫn mơ canh dài**".

Hương quan – Hương: làng. Quan: cổng.

Ngày xưa mỗi làng làm một cái cổng trước cổng làng để canh trộm, cướp. Hương quan dùng để chỉ quan hoài quê nhà.

## 36 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Ngày 9 tháng 3, khi tôi xách cái bị lát nông dân từ Phan Rang về Saigon thăm nhà, công an Cộng sản đã rình sẵn từ bao giờ, còng tay cái rụp. Tại sở công an thành phố, trước là trụ sở Nha Cảnh sát đô thành, đường Trần Hưng Đạo, khi cánh cửa sắt nặng nề của phòng giam mở ra, tôi nghe nhiều tiếng cười. Một giọng nói vui vẻ vang lên: "A, Anh Đồng đen đây rồi. Đi đâu giờ này mới chịu mò tới. Nhờ anh tí, bắt anh em chờ mãi." Vẫn in hệt lối nói quen thuộc trong làng báo miền Nam, thường dành cho anh em tới trễ trong một buổi họp mặt thân mật. Chỉ khác chút xíu: cuộc họp mặt lần này đông đảo chưa từng thấy, mà lại là họp mặt trong nhà tù Cộng sản.

Phòng giam vuông vắn mỗi bề khoảng 5 thước, lổ nhỏ năm sáu chục hình người, gần như nôm cứng, chen chân muốn không lọt: "Lại đây nè, cha nội. Xớ rớ chi vậy."

Giọng nói quen thuộc lại vang lên. Một anh chàng thấp lùn phe phẩy quạt giấy, mặt mũi vêu vao, đang ngoác miệng ra cười, vẩy vẩy về phía tôi. Tôi nhận ra anh bạn phóng viên Anh



Quân. Bên cạnh là anh Doãn Quốc Sỹ, anh Đăng Giao, anh Trần Dạ Từ ... Phòng giam nôm chạt kiểu cá mè đóng hộp, dưới mái tôn nóng điên người, tất cả đều cời trần, mồ hôi nhễ nhại. Tôi chào tất cả và nói: "Đồng đảo phe ta cả, vui quá há."

Đáp lời tôi, anh Doãn Quốc Sỹ cười hiền lành:  
"Vui thật ông ạ. Còn Khô Vinh đại sư nữa kìa."

Tôi nhìn theo mắt anh Sỹ hướng về một góc phòng. Trên bệ cao cầu tiêu chung trong góc, tôi nhận ra còn có thêm anh Nguyễn Mạnh Côn. Khô Vinh đại sư là tên một nhân vật tiểu thuyết của Kim Dung. Anh em gán cho anh Côn biệt danh này trùng quá vì anh vốn gầy gò, người nhỏ thó, xương xẩu giống hệt một nhà tu khổ hạnh. Ngồi trên trụ trên cầu tiêu, Khô Vinh đại sư nhìn tôi cười cười, ra dấu chào.

(Ở tù với bạn hữu - Hồ Văn Đồng)

### **Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao**

Từ điển thuật ngữ văn học gọi chơi chữ là "lộng ngữ" và giải thích là một biện pháp tu từ có đặc điểm: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người, người nghe. Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: *nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ gần nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau.*

Chọn những con vật cùng trường nghĩa khác, như bài ca sau đây:

*Cóc chết bỏ nhái mổ côi,  
Chấu ngồi chấu khóc : " Chàng ơi là chàng"  
Ếnh ương đánh lệnh đã vang,  
Tiền đâu mà trả nợ làng ngoé ơi!*

Tác giả dân gian tập hợp trong bài ca dao này các con vật cùng loài với cóc: nhái, chấu chuộc, chấu chàng (chấu chàng thân và chi mảnh, dài; chấu chuộc cũng giống như chấu chàng nhưng lớn hơn); ếch ương, ngoé là giống nhái bén. "Chàng" trong câu ca trên vừa là con vật (chấu chàng) vừa là đại từ chỉ người trong cặp đại từ nhân xưng cổ: chàng – nàng. Như vậy, bài ca dao vừa chơi chữ bằng cách dùng từ đồng âm, vừa chơi chữ bằng cách dùng các từ cùng trường nghĩa.

(Trần Minh Thương - Nghệ thuật chơi chữ trong ca dao Việt Nam)

### **Văn tế cá sấu của Hàn Thuyên**

*Ngạc ngư kia ơi! Mà có hay?  
Biển Đông rộng rãi là nơi mà,  
Phú Lương đây thuộc về thánh vực,  
Lạc lối đâu mà lại đến đây?  
Há chẳng nhớ rằng nước Việt xưa,  
Dân quen chài lưới chẳng tay vừa  
Đời Hùng vẽ mình vua từng dạy  
Xuống nước giao long cũng phải chừa  
Thánh thần nói dối bản triều nay,  
Dấy từ hải áp ngôi trời thay  
Võ công lừng lẫy bốn phương tịnh  
Biển lặng sông trong mới có rày  
Hùm thiêng ra dấu dân cày cấy,  
Nhân vật đều yên đâu ở đấy,  
Ta vâng để mạng bảo cho mà,  
Hãy về biển Đông mà vùng vẫy.*

(Trần Minh Thương - Thẻ loại văn tế)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Làm răng: Làm thế nào chứ không phải đi...chữa răng đau.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

### Khoa cử (2)

Sang thời tự trị để mở mang việc nước, vua Lý Nhân Tông mở khoa thi Tam trường (thi đại khoa gồm ba kỳ) ở nước ta mô phỏng theo Trung Hoa.

Trung Hoa cho thi tú tài và cử nhân riêng. Thời nhà Nguyễn, tú tài và cử nhân thi chung (thi Hương). Người đỗ gọi là cử nhân. Người hỏng thi nhưng điểm cao cho đỗ tú tài. Trung bình cứ một cử nhân có ba tú tài (nhưng không được thi Hội).



Thi Hương trúng ba trường thì gọi là Sinh đồ (Ông đồ - Tú tài).  
Đỗ cả bốn trường gọi là Hương cống (Ông cống - Cử nhân)

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – Lối xưa xe ngựa...)

### Sự phát triển của tiếng Việt II

Sấm Truyền Ca (1670)

Bên cạnh những tác phẩm, có khi khuyết danh cố ý, đã có những tác phẩm tôn giáo có giá trị văn học viết bằng chữ Nôm như Sấm Truyền Ca (1670) của Lữ Y Đuan, như Thiên Chúa Thánh Giáo Khải Mông (cùng thế kỷ XVII) của Majorica, hoặc viết bằng chữ quốc ngữ như Tuồng Joseph (1888) của Trương Minh Ký, Phi Năng Thi tập của Philippe Phan Văn Minh (1838), khuyết danh có tập Văn Và Tuồng (1899).

Sấm Truyền Ca nguyên tác bằng chữ Nôm, tác giả là thầy giảng (linh mục) Lữ Y (Louis) Đuan, được viết vào năm 1670. Hiện nguyên tác đã thất lạc, chỉ còn bản quốc ngữ. Sấm Truyền Ca là một tác phẩm văn học đặc sắc vì phản ánh một nỗ lực Việt Nam hóa và bình dân hóa Kinh Thánh bằng cách mượn những yếu tố văn hóa Việt Nam và Đông phương để diễn dịch Kinh Thánh.

Lưu truyền hạn chế trong giới thu hẹp "nhà thờ", tác phẩm chắc đã được sửa đổi nhiều lần vì bản hiện còn dễ khiến người đọc nghĩ đến các truyện Nôm nổi tiếng của thế kỷ XVIII và XIX. Theo bản chép tay chúng tôi hiện có của Paulus Tào, người dịch bản Nôm ra quốc ngữ là Simong Phan Văn Cận. Trong lời tựa ghi tại Cái Mơn ngày 8 tháng chạp Tây năm 1820, ông giới thiệu:

"Truyền rằng sách STC là của Thầy Cả Lữ Y Đuan đặt ra năm 1670, viết bằng chữ Nôm. Thầy cả này đã trở lại đạo hồi nhỏ và đã làm thầy giảng giáp địa phận Đàng Trong, thầy rất tinh thông chữ nho, thuộc Tứ Thư, Ngũ Kinh. Thầy làm sách này cho hạng văn nho đọc để biết rõ đạo Chúa Giê-su. (...) Sách này của thầy bị nhiều thầy cả Tây dang hỏi đó không ưng vì nó lai

sách đạo Nho và đạo Phật, nhưng bản đạo rất ư và chép lại để đọc (...).

(Nguyễn Vy Khanh - Tiếng Việt một số tác phẩm mới phát hiện)

### **Từ Hán –Việt được nho hóa**

Thốc = trọc lóc, không có tóc.

Thiền = ngồi im lặng để suy tưởng, (Chùa) thiền.

Thoán = choán, choán chỗ, chiếm lấy.

Thống = xốn, xốn xang (đau , khó chịu).

### **Giai thoại làng văn xóm chữ**

#### **Đùa với ông Nghè**

Nguyễn Gia Cát người làng Huê Cầu, thuộc Kinh Bắc, sinh năm 1762 đời Hậu Lê. Thời Lê Chiêu Thống, ông đậu Đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân. Ông từng được cử đi sứ Tàu. Từ thuở nhỏ Nguyễn Gia Cát đã nổi tiếng thông minh nhưng cũng rất nghịch ngợm. Một lần có ông Nghè làng bên vinh quy, đường đi phải đi qua làng ông. Ông đang chơi với lũ trẻ liền lấy gạch viết ra đường một chữ MÔN rất to.

Ông Nghè nọ cưỡi ngựa đến trông thấy hỏi:

- Sao em lại viết chữ MÔN to thế?

Gia Cát đáp:

- Quan Nghè không nhớ câu "đồng khai trùng môn" của Tống Thái Tổ sao? Cổng không to thì voi ngựa vồng lọng qua thế nào được.

Bị đùa trẻ lý sự, quan Nghè hơi ngượng nhưng bảo ngay:

- Đồng khai trùng môn có nghĩa là mở rộng cửa lớn phải không? Nghe nhé, ta đọc về đối này, nếu đối được ta thưởng:

“Ngói đỏ lợp nghè lợp trên đề lớp dưới”.

Nghè là cái nhà, cái danh vua ban cho những người đỗ đạt, Nghè còn có nghĩa là Tiến sĩ nữa.

Qua về ra ông Nghè này còn tỏ ý: Ta là Nghè, là lớp trên - lớp trên đề lớp dưới.

Gia Cát chẳng cần nghĩ ngợi nhiều đối ngay:

“Đá xanh xây cổng hòn dưới nóng hòn trên”

Chữ Cổng cũng có hai nghĩa như chữ Nghè, vừa là cái cổng vừa là Hương cổng (dưới Tiến sĩ).

Nhưng cái hóm hỉnh láu lỉnh của Nguyễn Gia Cát là những chữ như "hòn dưới nóng hòn trên" có ý nghĩa răn đe: "trên đề dưới" nhưng nếu không có "dưới nóng trên" thì cũng sụp.

Quan Nghè đành gật gù khen về đối hay và thưởng cho một quan tiền. Gia Cát đem tiền ấy chia luôn cho các bạn chơi đánh đáo.

### **Sai hay đúng?**

Trong câu “da chết bọc thân coi cái chết tựa như lông hồng”.

Có sách cho là lông hồng đây là...lông ngựa!

Hồng là ngỗng trời. Xưa, có thể dùng để thông tin tức phương xa, nên nói đến chuyện gửi thư từ thì gọi là hồng tiện, tin hồng.

Nên lông hồng đây là...lông ngỗng.

(Tôn Thất Lương – Xuân mộng)

## Chữ là nghĩa

"Nằm cứng", "nằm mềm", những từ dùng trong nước, nói gọn lại, để chỉ những loại vé (đi xe lửa) khác nhau.

"Nằm mềm" là nằm trên giường có lót nệm, giá vé cao hơn. "Nằm cứng", là nằm trên giường "chạy", không có nệm lót, xương xấu sẽ chịu sự ê ẩm; bù lại, giá vé sẽ... "mềm" hơn.

Ấy là một sự "tréo ngoe" về ngôn ngữ: nằm "giường cứng" thì lại được "giá mềm". ("Giá mềm", đây cũng là một từ mới được phát sinh sau này, ý chỉ "giá rẻ" hay "giá cả thoải mái": "Mua bộ bàn ghế này đi anh, em sẽ để cho anh một giá rất mềm").

Trước đây, ta chỉ có "nằm sấp", "nằm ngửa", "nằm nghiêng" (như tên một tập thơ của một thi sĩ trong nước, hay từ dùng trong một câu thơ cũng của một thi sĩ khác trong nước, "*Nằm ngửa nhớ trắng, nằm nghiêng nhớ bến, nôn nao ngồi dậy nhớ lưng đèo*" (Phạm Tiến Duật), thậm chí "nằm ườn", "nằm ườn" hay "nằm phễnh (bụng)"; bây giờ, ngoài những lối nằm trên, phải ghi nhận thêm sự xuất hiện của "nằm cứng" và "nằm mềm" nữa.

## Khờn

Khờn : mẽ, mòn

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chuyện con cua và con ếch

Trong một cuộc hội thảo trong ba ngày về văn học nghệ thuật rất đông văn nghệ sĩ. Hôm ấy tôi được chứng kiến Nguyễn Đình Thi sự Tố Hữu như thế nào.

Giới văn nghệ nói chung rất phục Nguyễn Đình Thi (trừ bọn viết văn). Anh lại có thuật nói hấp dẫn. Anh bước lên, đứng trước cái bàn có phủ khăn. Đứng im, không nói gì. Mọi người im phăng phắc chờ đợi. Tưởng như con muỗi vo ve cũng nghe thấy. Bỗng anh bước ra khỏi cái bàn, vung tay hỏi hội nghị: "*Chúng ta đang làm cái gì thế này?*" Mọi người ngơ ngác tự hỏi: Không biết mình làm cái gì nhỉ? Càng cảm phục và chờ đợi. Thi vung tay nói lớn: "*Chúng ta đang làm một nền văn nghệ lớn. Và chúng ta cũng lớn!*"

Đúng lúc ấy Tố Hữu đi vào, ăn mặc xuềnh xoàng, áo sơ mi bỏ ra ngoài quần. Người nhỏ bé. Nguyễn Đình Thi đang hùng hồn bỗng cụt hứng, xịu hẳn lại, không nói được nữa. Tố Hữu ngồi ngay ghế đầu, vẫy tay nói với Thi: "*Anh cứ nói tiếp đi!*". Nhưng Thi chỉ nói lý nhí mấy câu gì đó không nghe rõ, rồi bỏ đi xuống.

Tôi hình dung con cua đang gờ hai càng một cách hiên ngang như muốn thách thức với cả trời đất. Con ếch tới, vỗ nhẹ vào mai một cái, con cua vội co dùm người lại.

Nguyễn Đình Thi là *con cua*, Tố Hữu là *con ếch*.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Theo tự điển tiếng Việt ở Hà Nội (Văn Tân Nguyễn Văn Đạm):

Lạ: là lảm, thí dụ : đẹp lạ

## Ngô

Phùng Khắc Khoan đi sứ sang Tàu, khi về giấu giếm một thứ ngũ cốc mà họ gọi là *trần châu mễ* mà họ quý lắm. Ông không dám gọi đích danh mà chỉ nói là mang từ bên Ngô (tức Tàu) về và người Bắc gọi là...ngô.

Ngô vào đến miền Trung và Nam thì được gọi là...bắp.

Tại sao người Trung, người Nam gọi là bắp?  
Tôi không hiểu!

(Lê hữu Mục – Văn hóa Việt Nam...)

### 37 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Khi công an Cộng sản bắt văn nghệ sĩ, nghe kể, họ bắt luôn vợ chồng Đăng Giao – Chu Vị Thủy và cháu nhỏ mới sinh bấy ngày. Chị Thủy là con gái nhà báo Chu Tử. Có anh em nói, danh sách bắt bớ này phần chính do Vũ Hạnh đề nghị. Vũ Hạnh thời trước, viết phê bình văn nghệ cho báo Bách Khoa theo lối hiện thực xã hội kiểu Cộng sản, rồi nằm trong tờ Điện Tín của nhóm Lý Quý Chung, chuyên viết những truyện kháng chiến đường rừng. Báo Sống của anh Chu Tử có hồi chỉ trích đích danh Vũ Hạnh là Cộng sản nằm vùng.

Khi tôi bị bắt vô sở công an, chị Chu Vị Thủy đã được cho mang cháu nhỏ về quản thúc tại gia. Trong số văn nghệ sĩ nằm tù Cộng sản, chỉ có chị Nhã Ca là phụ nữ duy nhất. Suốt thời kỳ ở sở công an, chị bị nhốt cát sô. Anh Nguyễn Mạnh Côn cười, bảo tôi: “Con mụ dữ quá.” Tuy cười, anh rất quan tâm việc này.

Một bữa, sau buổi “đi làm về”, có nghĩa là bị gọi đi hỏi cung, khi trở về phòng, anh kể với chúng tôi: “Moa bảo họ là bao nhiêu tai to mặt lớn ở miền Nam này, đâu có người nào cách mạng bắt đi tù cả chồng lẫn vợ như trường hợp Trần Dạ Từ, Nhã Ca. Nhốt bà mẹ của 6 đứa con nhỏ, có đứa còn chập chững tập đi, thì về vang gì. Nói thật, bà ta chỉ là một bà viết văn bình thường, chẳng hiểu biết gì về chính trị. Nếu sách bà ta có chống cộng, ấy là do tôi mà có. Thả bà ta về, rồi muốn tôi làm trâu làm chó gì cũng được”.

(Ở tù với bạn hữu - Hồ Văn Đồng)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Theo tự điển tiếng Việt ở Hà Nội (Văn Tân Nguyễn văn Đạm):

Lai lịch: là nguyên do của một người

### Đặt lễ quê thói với phong tục cổ truyền

#### Tiền cheo

Tiền "cheo" là khoản tiền nhà trai nạp cho làng xã bên nhà gái. Trai gái cùng làng xã lấy nhau cũng phải nạp cheo song có giảm bớt. Xuất xứ của lệ "Nạp cheo" là tục "Lan nhai" tức là tục chằng dây ở dọc đường hoặc ở cổng làng. Đầu tiên thì người ta tổ chức đón mừng hôn lễ, người ta chúc tụng, có nơi còn đốt pháo mừng. Để đáp lễ, đoàn đưa dâu cũng đưa trầu cau ra mời, đưa quà, đưa tiền biếu tặng. Dần dần có những người làm ăn bất chính, lợi dụng cơ hội cũng chằng dây, vòi tiền, sách nhiễu, trở thành tục lệ xấu. Vì thói xấu lan dần, gây nhiều cản trở, triều đình phải ra lệnh bãi bỏ. Thay thế vào đó, cho phép làng xã được thu tiền cheo. Khi đã nạp cheo cho làng, tức là đám cưới được làng công nhận có giấy biên nhận hẳn hoi.

Ngày xưa, chưa có thủ tục đăng ký kết hôn, thì tờ nạp cheo coi như tờ hôn thú. Nạp cheo so với chằng dây là tiến bộ. Khoản tiền cheo này nhiều địa phương dùng vào việc công ích như

đào giếng, đắp đường, lát gạch, xây cổng làng...Nhưng nhiều nơi chỉ cung đốn cho lý hương chè chén. Đã hơn nửa thế kỷ, lệ này bị bãi bỏ rồi. Ngày nay chỉ còn thấy bóng dáng của tiền cheo qua ca dao- tục ngữ.

Nuôi lợn thì phải vớt bèo  
Lấy vợ thì phải nộp cheo cho làng.

Hoặ giả như:

Lấy chồng anh sẽ giúp cho  
Giúp em...  
Giúp em quan tám tiền cheo  
Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau.

## Khong khen

Khong khen : khen ngợi

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ Nôm, chữ Quốc ngữ

Trong khi nhà nghiên cứu văn học Lại Nguyên Ân phủ nhận nguồn gốc của chữ Nôm thì một số ý kiến về chữ quốc ngữ lại cho rằng chữ Nôm mới chính là tiếng Việt thực sự. Theo ông Lại Nguyên Ân, chữ Nôm không thuần Việt, vì đó là vay mượn của người Hán nên chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Ông khẳng định: “Chữ quốc ngữ mới là của người Việt”.

Mai Thành Chung hình tượng hóa chữ quốc ngữ một cách khéo léo: “*Chữ quốc ngữ là chữ ghi thanh (nói như thế nào, viết như thế đấy), được Việt hóa hoàn toàn, nó xuất xứ từ tiếng La tinh nhưng do người Việt hoàn thiện. Việc tạo ra ngôn ngữ cũng giống như quá trình làm bánh, chúng ta chỉ dựa trên những nguyên liệu có sẵn để chế tạo ra sản phẩm cuối cùng, đó là chữ quốc ngữ*”.

Nói về nguồn gốc và ảnh hưởng của chữ Nôm, Mai Thành Chung cho đó không phải do người Việt sáng tạo. Thêm vào đó, chữ Nôm khó sử dụng để giao tiếp nên đã bị loại bỏ, và lùi xa so với chữ quốc ngữ trong tiến trình phát triển của xã hội.

Bên cạnh đó, một số ý kiến lại cho rằng, chữ Nôm mới chính là sản phẩm thuần Việt, mang tính dân tộc và chứa đựng bản sắc dân tộc. Quốc ngữ có từ khi người Việt còn dùng chữ Nôm để sáng tác thơ văn, ghi lại sử ký. Nguyễn Xuân Diện, Viện nghiên cứu Hán Nôm dẫn chứng: “*Từ thời Nguyễn Bình Khiêm đã có Bạch Vân am Quốc ngữ thi tập, hay như Quốc Âm thi tập của Nguyễn Trãi với hàng trăm bài thơ Nôm*”.

(Thu Thảo - Chữ Nôm hay chữ Quốc ngữ mới là thuần Việt)

## 38 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Anh Côn hút thuốc phiện lâu năm, đang bị vật lên vật xuống. Nhiều phen phải cấp cứu. Một buổi tối, công an mở cửa kêu anh “đi làm việc.” Vài phút sau đã thấy anh trở vô. Mọi người hỏi sao lạ vậy, anh đáp: “Tên X. gọi ra. Hắn đưa cho moa một cục, nói là cách mạng chiếu cố. Moa trả lại hắn, bảo tôi không cần nữa. Vậy thôi.” Tôi còn nhớ rõ, có người hỏi “cục gì?” Anh Quân, cũng là dân từng nằm bàn đèn thuốc phiện, nháy mắt: “Cái ông này. Cục vàng chớ gì nữa.” Anh Côn bắm vô đầu ngón tay út: “Bằng chứng này này”. Thấy Anh Quân suýt soa tiếc rề, tôi nói với anh Côn: “Sao anh không cầm đại vô, rồi cho Anh Quân nó phê cho coi.”

Từ lúc hết bị thuốc phiện hành, anh Côn tươi tỉnh hơn, trò chuyện vui hơn. Các bạn trẻ trong phòng giam thường ngồi quanh anh, để nghe anh kể những truyện khoa học giả tưởng rất hấp dẫn.



Nhưng cũng ngay thời gian ở sở công an, anh Côn bắt đầu nói về cái chết. Một bữa, anh bàn với tôi: “Lần này, sống mà về được, hai anh em mình phải xuống Thủ Đức, tìm một khu đất riêng, làm sẵn một “sanh phần” cho bọn mình, ông ạ.”

Sanh phần là ngôi mộ làm sẵn. Thấy chúng tôi bàn hoài chuyện trồng cây, đào huyệt cho mình, anh Trần Dạ Từ gạt đi, kêu là thời của bọn đồ mà tính chuyện vợ vắn. Vợ chồng Trần Dạ Từ ở Thụy Điển. Tôi vừa vượt biển vô được đất Mỹ. Đăng Giao, Anh Quân còn bên nhà. Anh Doãn Quốc Sỹ đang tiếp tục nằm trong nhà tù. Riêng anh Nguyễn Mạnh Côn không còn nữa. Lời xưa anh nói, chỉ hơi sai một chút: Chúng tôi không còn dịp cùng nhau xuống Thủ Đức, tự trồng cây, đào huyệt, lo lấy sinh phần cho mình.

(Ở tù với bạn hữu - Hồ Văn Đồng)

### Về bài thơ “Vịnh Cây Mai”

Tôn Thọ Tường vì mặc cảm theo Pháp nên nghe nói ở Đồn Cây Mai (tức khu vực chùa Cây Mai bây giờ) có cây bạch mai thuộc loại mai quý lạc loài giữa hoang mai trong Nam. Ông làm bài Vịnh Cây Mai để bày tỏ sự lạc lõng cô lẻ về sự lầm lỡ của mình.

Sau này có một nhà vạn vật học và sử gia Phạm Văn Sơn tìm ra đấy không phải là bạch mai. Tội nghiệp ông Tôn Thọ Tường, tưởng là cây mai, ai ngờ thêm một lần nữa lầm, nên đem tâm sự gửi gắm vào đúng ngay...cây mù u.

### Chữ Việt gốc Tàu

Chữ Việt gốc Tàu là những chữ, những âm mà ta dùng thẳng từ của người Tàu hiện tại và dùng âm của mẫu tự quốc ngữ viết lại (có khi hơi nói trại đi một chút vì không có chữ tương đương). Và khi ta nói lên tiếng đó, người Tàu “liên hệ” có thể hiểu được.

Như câu ca dao:

*Gió đưa chú **tửng** từng tưng*

*Gặp chị bán gừng **na nả** chị ơi*

Tiếng Triều Châu “*tửng*” là chú bé, ta thêm vào... *tửng* từng tưng. Còn “*na nả*” không hiểu...nghĩa là gì?!

Tiếng Quan Thoại hay giọng Bắc Kinh (Bạch thoại), giọng nói chung cho cả nước Tàu. Với “*khó khăn*” vì phát âm khó quá hay sao ấy, thì ta lại đọc là...“*khốn nạn*”.

(Nguyễn Hữu Phước – đặc san Phù Sa Sông Cửu)

### Nho gia (3)

Chữ “*nho*” do chữ “*nhân*” (người) ghép với chữ “*nhu*” (cần dùng) có nghĩa là *loại người cần dùng cho xã hội*.

Chữ *nhu* còn có nghĩa là chờ đợi (người giỏi chờ lúc ra giúp đời). Nho gia nhập thế, đem sở học ra gánh vác việc đời của nhà Nho.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

### Mùa Len Trâu là mùa gì?

Kính thưa các bậc bề trên, bề dưới, và bề ngang:

Mấy bữa trước đi ăn phở thấy trong tiệm phở có cái poster của 1 phim VN có tựa đề là “Mùa Len Trâu”. Vienchinh ngẫm nghĩ hoài mà không hiểu được Mùa Len Trâu là mùa gì? Hỏi bạn bè thì họ cũng lắc đầu và nói chắc là thiếu dấu mà là “Mùa Lên Trâu”. Hỏi nhỏ Vienchinh cũng có đi chần trâu nhưng chưa bao giờ nghe “Len Trâu” bao giờ. Cái chữ LEN đó lúc nào cũng

vẫn vợ trong đầu. Hôm nay mạn phép xin các ông bà cô chú bác giải thích dùm cho chữ "LEN" hay là họ viết lộn thệt. Xin cảm ơn nhiều.



Len trâu là công việc chăn dắt trâu tránh lũ và tìm đồng cỏ vào mùa nước nổi nước lũ ở Nam bộ. Chuyện phim dựa trên tác phẩm *Hương rừng Cà Mau* của nhà văn Sơn Nam, kể về cuộc sống của nông dân Nam bộ đầu thế kỷ 20. Mỗi khi mùa nước về, nước tràn ngập mọi nơi, có những người làm nghề "len trâu", đưa trâu đi vùng khác tìm cỏ để sống qua mùa lũ.

Từ "len" gốc tiếng Khmer có nghĩa là...thả rông, cho đi tự do.

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã (2)

Ta thường gọi nôm na là Tàu cùng những biến thể như người Ba Tàu, Ba Tàu, các chú, chú chệt, v...v...

Gia Định Báo số 5, ngày 16/21/1870:

"...Kêu *Các chú* bởi người Minh Hương mà ra. Mẹ An Nam, cha Khách nên nhìn người Tàu là anh em, là người đồng châu với cha mình. Nên mới kêu *Các chú* nghĩa là những anh em với cha mình. Sau lần lần người Nam bắt chước nên kêu bậy theo làm vậy..."

(Nguyễn Ngọc Chính – Ngôn ngữ Sài Gòn xưa)

### Cát lằm

Thơ Trần Huyền Trân trong bài *Trắng lá rau tần* có câu:

Không là lính thú sàu lên ài  
Cũng thấy lòng chia dưới *cát lằm*

Trong truyện Kiều cũng có câu:

*Cát lằm* ngọc trắng thệt thời xuân xanh

Vậy chữ *cát lằm* là gì?

(Hoàng Hải Thủy – báo Sài Gòn Nhỏ)

### Tục ngữ Tàu

Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật  
(Vắt dao đồ tể, thì thành Phật ngay)

(Nguyễn Lập Sơn – Dư Phát Linh)

### Thơ miền Nam (1)

Nguyễn Đức Tùng : Xét về mặt lịch sử và về mặt nghệ thuật, thơ Việt Nam có nhiều nhánh rẽ, ít nhất là năm hay sáu nhánh: thơ miền Bắc chính thống, thơ miền Bắc phi chính thống, thơ miền Nam, thơ hải ngoại, thơ trẻ cách tân. Từ 1954 đến 1975, về mặt sáng tác, miền Nam đã có được một nền văn học phát triển, trong đó thơ ca mang lại nhiều thành tựu, với các tên tuổi còn lại từ thời tiền chiến như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, đi qua các giai đoạn kế tiếp với Nguyễn Sa, Bùi Giáng, Quách Thoại, rồi sau

đó là Tô Thủy Yên, Du Tử Lê, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Đức Sơn, và một truyền thống dư dật về tiềm năng, sau này còn kịp gieo những hạt giống sáng tạo bay bổng của nó ở khắp nơi v.v... Anh nghĩ sao về dòng thơ miền Nam trước đây?

Dương Tường : Do điều kiện lịch sử anh em chúng tôi ở miền Bắc rất ít được đọc miền Nam, ví dụ như anh Du Tử Lê mà tôi mới gặp hôm qua cùng với anh, tôi mới chỉ được đọc một hai bài, cho đến hôm nay mới có trên tay cuốn sách của anh Nguyễn Đức Tùng vừa tặng mà chưa kịp đọc. Đối với những người mà tôi đã được đọc tương đối đầy đủ, thì ở miền Nam ngoài Vũ Hoàng Chương và Đinh Hùng là những nhà thơ mà tôi hết sức yêu mến từ thời trước, những người khác như Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền, và một mảng nào đó Nguyên Sa, là tôi đặc biệt kính trọng.

(Phụ đính: Dương Tường là nhà thơ, dịch giả. Nguyễn Đức Tùng là nhà phê bình thơ thuộc thế hệ trẻ. Cả hai đều ở trong nước)

(Nguyễn Đức Tùng - Viết không khác người ta thì đừng viết)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ (3)**

Ta thường gọi nô nà là Tàu cùng những biến thể như người Ba Tàu, Ba Tàu, các chú, chú chệt, v...v...

Gia Định Báo số 5, ngày 16/21/1870:

"...Chệt là kêu "tâng" chú tiếng Triều Châu. Người Tàu, người Nam ta thấy người đáng tuổi chú, bác, cậu thì kêu "tâng" chung là chú. Người An Ta kêu vịn theo là "Chệt" ..."

(Nguyễn Ngọc Chính – Ngôn ngữ Sài Gòn xưa)

### **Guốc phi mã**

" Cô gái Hà Thành xưa tóc cặp lửng sau lưng, đi guốc phi mã, mặc áo kếp bên ngoài áo dài Lơ-Muya" . Chúng tôi được biết áo dài Le Mur do họa sĩ Nguyễn Cát Tường, thành viên của nhóm Tự Lực Văn Đoàn vẽ kiểu.

Nghe tả lại thì gót guốc phi mã không nhọn mà tù, hơi loe ra một chút, nghĩa là rất mốt ngay cả với thời bây giờ, và được đóng quai nhung. Áo dài vạt bầu, tóc kẹp lửng hay búi lỏng rồi lộn vào trong, xòe che ơ hờ hai vai và đi guốc đó đáng đi cứ như múa vậy.

(Lê Minh Hà – Trăng góa)

### **Chữ Việt cổ**

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

An: yên ngựa

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

### **Giai thoại về một bài thơ**

Đầu làng Ngang có một chỗ lội  
Có đèn ông Cuội cao vòi vọi  
Đàn bà đến đấy vén quần lên  
Chỗ thì đến háng chỗ đến gối  
Ông Cuội ngồi trên mím mép cười

Cái gì trắng trắng như con cúi  
Đàn bà khấp nép đứng liền thưa  
Con trót hớ hênh ông xá tội ...

1 - Bài thơ “Chỗ lội làng ngang” của cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến. Tuy nhiên vì tam sao thất bản nên một hai bài viết ở đâu đó còn thiếu mấy câu sau :

”Không, không, mi chẳng tội tình gì  
Chỉ làm ông cứng con buội  
Về bảo đàn bà khắp làng mày  
Ra đây ông cho giống ông Cuội”  
Từ đấy làng Ngang để ra người  
Để ra rặt những thẳng nói dối

2 – Nhà văn miền Bắc Lê Lưu, triển khai bài thơ trên ra tiểu thuyết *Chuyện Làng Cuội*. Từ địa danh của bài thơ, Lê Lưu dàn dựng truyện tình xung quanh cái đầm làng Cuội *Hội thi nói khoán* cũng xảy ra ở tại miếu ông Cuội nên bị Hội Nhà Văn ở Hà Nội áp chế như Nguyễn Ngọc Tư bị Hội Nhà Văn Cà Mau chế tài với *Cánh Đồng Bất Tận*.

(Trần Đăng Khoa – Chân dung và đối thoại)

### **1 Ca dao lơ mơ lổ mỗ** (...trích lục lại)

Chim khôn chim đậu cành cao  
Bướm khôn bướm đậu ngay vào đầu chim

### **Ca dao có từ bao giờ?**

Theo Thiền sư Lê Mạnh Thát: Văn học nước ta có ba bài phú đầu tiên bằng chữ Nôm xuất hiện vào đời Trần của Vua Trần Nhân Tông, Thiền sư Huyền Quang và Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi.

Cả ba tác phẩm này cùng ra đời vào thế kỷ XIII, xen kẽ có những bài thơ thể lục bát. Như vậy thơ lục bát đã thành hình vào thế kỷ XIII và ca dao lục bát ra đời. Và thể song thất lục bát xuất hiện sau đấy vào thế kỷ XV, ca dao song thất cũng ra đời sau đó.

Năm 1433, Phan Phu Tiên và Chu Xa sưu tập thơ của vua quan nhà Trần, nhà Lê thành cuốn *Việt âm thi tập*, bài tựa có câu:

Đời Đường, Ngu vua tôi xướng họa thời Liệt quốc dân ca, ca dao. Tuy bàn việc khác nhau nhưng nhưng cùng là để bày tỏ nỗi lòng”.

Vào thế kỷ XVII, dưới thời chúa Trịnh có một nhà nho đề xướng dân ca là những bài ca nhân gian.

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

### **La đà**

La đà : ngà ngà say, rủ rập

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### **Tiếng Việt rắc rối**

Hỏi: Trong *Quốc văn giáo khoa thư*. Bài 31 tựa đề “Chăn trâu”. Phần bài tập có mục “Học tiếng” chữ “nón mê”. Vậy chữ nón mê là nón chi. Ai biết xin giải đáp cám ơn nha.

Đáp : Nón mê là nón cũ, nón rách.

Hỏi : Nghe kỳ! Sao không gọi là nón rách, nón cũ, mà lại gọi là...nón mê.

Đáp: Sao Nam Kỳ kêu cái mũ là...cái nón.

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

## Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

### Mẹ cô dâu không đưa dâu

Ngày xưa, hôn nhân cưỡng ép, thường là cha mẹ đặt dâu, con ngồi đấy. Thực ra, trong nhiều gia đình, người cha quyết định mọi việc, người mẹ chỉ tuân theo. Vì thế đã xảy ra một số trường hợp oái oăm: Ngày con gái vu quy đáng lẽ là ngày vui nhất trong đời nhưng người thì khóc lóc buồn tủi vì bị ép buộc, người thì lo sợ cảnh làm dâu, làm vợ, từ tấm bé chưa rời mẹ, nay tự nhiên mẹ con xa nhau, mẹ thương con cũng mũi lòng sụt sùi khóc.

Thế là, trong khi hai họ đang vui mừng yến ẩm ở nhà ngoài thì hai mẹ con lủi thủi, cắp nón ra về. Tan tiệc, nhà trai chẳng tìm thấy cô dâu đâu nữa. Qua vài đám đại loại như vậy người ta rút kinh nghiệm không nên để mẹ cô dâu đi đưa dâu, dần dần bắt chước nhau, trở thành tục lệ.

## Chữ nghĩa làng...nhậu: Rượu Ta

### Từ sử ngoại truyện (1)

Ít ai biết nước ta nấu rượu, cất rượu vào thời nào, chỉ biết rằng: Lê Hoàn tức Lê Đại Hành lập lên nhà Tiền Lê, sản xuất những sản phẩm cổ truyền cần thiết cho mình như kéo tơ, dệt lụa, rèn sắt, đúc đồng, làm giấy. làm đồ gốm, v...v....

Năm 982, Lê Hoàn sai sứ sang Tống cầu phong, sứ thần nhà Tống viết trong *An Nam ký truyện* sứ: “Vua Đại Việt vừa múa hát vừa...uống rượu”.

(Nguồn: “Đại Cồ Việt-nước Việt-Phật giáo”, tạp chí Hán Nôm)

## 2 Chữ nghĩa lơ mơ lố mố

(...trích lược lại)

Cái gì có chân mà không có đầu: *Cái ghé*  
Con gì có đầu mà không có chân: *Con chim*

## Ai là tác giả ca dao?

Từ khi có chữ Hán, nước ta có thêm lớp nho học. Những hàn nho dạy các nho sinh làm thơ và ngâm thơ. Những bài thơ ấy nói đến cuộc sống bình dị ở xóm làng. Già làng cảm xúc, thấm thía nên học thuộc lòng rồi đem dạy cho con cháu. Thơ trở thành ca dao. Trong việc đồng áng họ hát thẳng ca dao như đồng dao để quên nỗi nhọc mệt. (5,6%). Đến khi muốn dò ý nhau, họ hát những bài ca dao tình tự. Lối hát trữ tình này làm cho trai có vợ, gái có chồng sau này trở thành dân ca. (47,1%)

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

## 40 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Tủ sách của một nhà văn miền Nam sau ngày “giải phóng” trống rỗng. Tôi nhìn tủ sách kỳ lạ. Thầy cũng có một tủ sách và tủ sách ấy ăn vào tuổi thơ tôi không hề biến mất. Tôi không thể nhớ tủ sách đem về khi nào, chỉ biết, từ lúc có trí khôn, tủ sách đã ở đó, chễm chệ và sừng sững. Thầy buôn bán theo truyền thống Trung Hoa, nhưng tủ sách chiếm nửa bức tường. Chiếc bóng của chúng tôi, của kẻ ăn người ở trong nhà luôn chao lượn lên khung kính phản chiếu những hình ảnh lạng lờ. Những khi tôi ngủ quên trên ghế đệm, tủ sách ngả chiếc bóng

đen đê lên mình. Khi tôi thức giấc, chiếc bóng hoá trở lại thành tên khổng lồ mặt gỗ chứa thật nhiều sách rình rập canh chừng. Nhưng tôi lớn lên và nỗi sợ hãi biến mất, chỉ còn những tò mò thấp thoáng trên các tựa sách ở tầng cao khóa kín.

Chính trong những năm đầu trung học đệ nhất cấp, khi chiều cao cho phép với lên phần có ổ khoá, tôi khám phá Dương Nghiễm Mậu. Sách của ông xếp cạnh sách Mai Thảo, Nguyễn Thị Hoàng. Tuổi Nước Độc, Con Sâu, Trong Hoang Vu, Ngày Lạ Mặt, Ngã Đạn xếp cạnh Mười Đêm Ngà Ngọc, Sống Chỉ Một Lần, Viên Đạn Đồng Chữ Nổi, Hạnh Phúc Đến Về Đêm, Vòng Tay Học Trò, Dưới Vừng Hoa Trắng, Tiếng Chuông Gọi Người Tình Trở Về...

Buổi trưa ngồi với Thận Nhiên, Dương Nghiễm Mậu không nói điều gì. Dương Nghiễm Mậu cười nhẹ như tàu dừa lay, gần như ông không động đậy. Ở Dương Nghiễm Mậu nụ cười diễn ra ở chuôi mắt, ở ngón tay đập cán thuốc mà nhịp nhanh chậm thay cho tiếng cười luôn luôn kín đáo. Dương Nghiễm Mậu rót trà. Ông hiểu thể hệ tôi và Nhiên không còn ai uống trà nữa, nhưng ông vẫn rót. Váng nước vàng màu mỡ gà, giữa buổi trưa nóng hực sủi tăm như số lượng dầu hỏa chất chứa trong dầu tôi từ buổi trưa tháng 5-75 Bà mở khoá cho chúng tôi đọc tất cả sách người lớn của tủ sách đồ sộ, trong vòng 48 giờ rồi Bà đem bán ký vì Công an phường đã ra lệnh tịch thu văn hoá phẩm *đổi trụy* của *Ngụy*.

Bà bán sạch tuổi thơ tôi trong chớp mắt. Làm sao tôi đọc hết hai mươi năm văn học miền Nam trong 48 giờ? Làm sao tôi trưởng thành kịp trong 48 tiếng để hiểu những chiếu bài mặt chược, trong phòng khách sạn rì rầm, hai người đàn ông đàn bà làm gì trên mặt nệm trong tiểu thuyết Mai Thảo.

(Sàigòn, ngày lạ mặt - Trần Vũ)

### **Chữ nghĩa làng văn**

Khi chúng ta viết, dù thơ hay văn (nhưng đặc biệt là thơ), sự chọn lựa, kết hợp các từ ngữ cũng chính là một hành động rất vũ đoán, một cách vô tình hay hữu ý, sử dụng những biện pháp chuyển nghĩa (trope) như ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, nhân hoá, v.v.

Khi một người Việt Nam nào đó, trong xa xưa, đã sáng tạo ra câu *Lòng em như quán bán hàng / Còn anh là khách qua đàng trú chân*, hay câu *Em như cái giếng giữa đàng / Người khôn rửa mặt, kẻ phàm rửa chân*, thì quả là người đó đã rất vũ đoán để đem so sánh tâm hồn hay thân phận của một con người (đặc biệt lại là một người con gái) với một túp hàng quán, hay như một cái giếng. Thế nhưng, chính cái vũ đoán đó đã để lại cho chúng ta những câu ca dao tuyệt vời như thế cho đến bây giờ. Nó làm cho những hình ảnh ấy sống mãi.

Cũng thế, trong vở chèo Thị Kính, tác giả đã cho Thị Mầu “chào hàng”/”nhá hàng” với anh Nô bằng một câu chòng ghẹo táo bạo, *Gió xuân đánh tốc dải yếm đào / Anh trông thấy oản sao không vào thắp hương*. Tác giả của câu chèo tinh quái và kinh khủng này đã đặt vào miệng Thị Mầu một ẩn dụ thật ...trẻ không tha, già không thương vì “oản” là để cúng Phật, và câu hát bóng gió đầy tính...trêu *hoa* ghẹo nguyệt kia, “gọi mời thắp hương” kia, lại được thốt ra trong khung cảnh nghiêm trang nơi cửa thiền. Mà chính là vì ở Thị Mầu đang ve vẩy ở nơi đấy nên mới có cơ giục mời người ta vào thắp hương như thế!).

Một sự nhìn ngắm, liên kết để rồi so sánh đến vậy, không gì khác, chính là một sự vũ đoán, ập vào nhau những hình ảnh, những khái niệm đáng lẽ là rất xa nhau. Nó làm bật ra những tia lửa của sự sáng tạo. Đúng là có những cái vũ đoán chết người, nhưng chúng đã khắc nét vào văn chương như thế.

(Bùi Vĩnh Phú – Viết, đọc và thẩm thức văn chương)



## Tiếng Việt trên net

thui = thôi

trơi= chơi, ví dụ: "đi trôi"

### 3 Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

(...trích lục lại)

Nhận được thư em lúc nhá nhem

Mừng mừng tủi tủi mở ra xem

Trong thư em viết dăm ba chữ

"Anh ơi ngày mai "nó"...lấy em!!!

### Sự phát triển của tiếng Việt (III)

Sấm Truyền Ca (1670)

"Trần Hớn Xuyên (1854-1940) là người đã sưu tầm tập Sấm Truyền Ca kể lại trường hợp ông khám phá ra bản hiện nay vào năm 1910: "Trải qua cơn bắt đạo dữ dằn đời vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, việc giữ đạo ở miền Nam phải âm thầm, sách vở ảnh tượng đều được chôn giấu.

Đến năm 1870 có người đào được tại Cái Nhum (Chợ Lách, Vĩnh Long) một hầm vô chủ, có nhiều sách vở về đạo thánh, trong đó có Sấm Truyền Ca, giấy đã mục nhiều. Các linh mục Pháp thời đó không nhìn nhận là đúng với Kinh Thánh của bốn đạo, nên cấm bốn đạo vì sách dị đoan. Vì đó Sấm Truyền Ca bị mai một (...)

Sấm Truyền Ca là sự dung hòa giữa nền văn hóa Đông phương và Tây phương. Tôi không nhận xét về mặt hợp hay không hợp Kinh Thánh, tôi mền phục lối thơ lục bát của người xưa và cách dùng chữ An Nam hồi đó, đã lột được ý nghĩa của Kinh Thánh cho người An Nam dùng cách dễ dàng (...).

(Nguyễn Vy Khanh - Tiếng Việt một số tác phẩm mới phát hiện)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

#### 1. ần lậu 陰漏

Theo soạn giả thì ần nghĩa là giấu kín; lánh đi; ngấm; lậu nghĩa là rỉ ra ngoài, và ần lậu nghĩa là giấu giếm, không thẳng thắn nói ra. Quả thật, trong chữ Hán, chữ lậu 漏 này có nghĩa là rỉ ra ngoài. Nhưng như thế thì các từ tổ ần và lậu có vẻ như trái nghĩa với nhau, bởi vậy, giải nghĩa như vậy là không thoả đáng, mà gọi là sai cũng được. Chữ lậu còn có vài nghĩa khác nữa, mà trong trường hợp này nó có nghĩa là lọt, là thoát (lậu võng nghĩa là lọt lưới), cũng là trốn tránh mà thôi. Vậy ta có thể nói rằng, ần lậu nghĩa là giấu giếm, là lẩn tránh. Soạn giả định nghĩa rằng, ần lậu nghĩa là giấu giếm, không thẳng thắn nói ra là để "khắc phục" điều mâu thuẫn mà ông cũng nhận thấy như chúng tôi chẳng, nhưng, không thẳng thắn nói ra nghĩa là nói một cách áp úng vì sợ sệt, hoặc là ở trong tình thế không thể giấu giếm được nên đành phải nói ra chứ đâu có phải là ần lậu.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Đi cầu: Là đi vô toilet chứ không phải lái xe chạy qua cầu.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

## Sách giáo khoa

Theo tinh thần Đổi Mới. Lúc đó tôi quan niệm rằng chương trình cũ cũng như cả nền văn học trước 1975 chủ yếu nhằm phục vụ đất nước trong hoàn cảnh chiến tranh. Yêu cầu hàng đầu là phục vụ chính trị, cổ vũ chiến đấu. Văn học lúc đó vì thế phải theo sát từng nhiệm vụ chính trị: kháng chiến chống Pháp, cải cách ruộng đất... Khi đất nước bị chia cắt thì chuyển sang phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược: Đấu tranh thống nhất đất nước, và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Văn học cứ phục vụ sát từng bước một. Khi Mỹ đánh ra miền Bắc thì văn học cùng với chương trình văn học lại phải tập trung cổ vũ cao trào cả nước chống Mỹ. Tất cả mọi ngành đều như vậy, văn học và giáo dục cũng như vậy.

Do phải phục vụ chính trị, cổ vũ chiến đấu, nên tiêu chuẩn chính trị trong văn học đặt lên hàng đầu, tiêu chuẩn nghệ thuật đặt ở hàng thứ hai hay thứ ba gì đấy. Do ưu tiên hàng đầu là phải phục vụ chính trị, cho nên có nhiều tác phẩm không có giá trị nghệ thuật gì, nhưng cũng được chọn vào chương trình.

(Nguyễn Đăng Mạnh - Dạy văn thì phải đúng là dạy văn)

## “Tù điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

*(Chữ nghĩa làng văn giữ nguyên chữ và câu cú, không...”nát bàn” với lời bàn Mao Tôn Cương)*

À nha = thường đi cuối câu mệnh lệnh dặn dò, ngăn cấm  
(không chơi nữa à nha)

Áo thun ba lá = Áo thun ba lỗ, áo may ô (ở Bắc bộ)

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

## Triết lý củ khoai



Lúc bé, tưởng yêu là tất cả, là mọi thứ, lớn rồi mới biết sau yêu còn có chia tay.

## Giai thoại làng văn xóm chữ

Năm 1971 Hồ Hữu Tường in " 41 năm làm báo".

Theo nhận định của nhiều người tập hồi ký " 41 năm làm báo" chứa nhiều dữ kiện lịch sử, về báo chí mà những thế hệ sau muốn tìm hiểu phải đọc. Trong kỹ thuật kể chuyện ông đã hài hước hóa nhiều câu chuyện và người đọc thấy được sự phóng túng và luôn luôn muốn vượt khỏi những câu thúc thường ngày.

Trong cuộc đời làm báo của ông, ông đã gặp các nhân vật lịch sử như Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thế Truyền, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm... Ông phác họa những chân dung độc đáo của những người mang trong người những lý tưởng cao đẹp và coi thường những bi thảm của cuộc sống. Họ là những người trong hoàn cảnh thời cuộc chuyển mình đã làm hoạt động của họ trở thành công việc đội đá vá trời. Có lúc bi thảm nhưng cũng có lúc hài hước, có lúc cương quyết nhưng cũng có lúc lãng mạn, những chân dung và những sự kiện đã trở thành những truyện sống động của những tư liệu lịch sử.

Viết hồi ký "41 năm làm báo", ông cốt ý muốn dựng lại một thời kỳ lịch sử với những nhân vật có thực với những câu chuyện đầy chất lịch sử như nguồn gốc cái tên Nguyễn Ái Quốc hoặc câu chuyện nhà cách mạng Nguyễn An Ninh đi bán dầu cù là rong để vừa hoạt động vừa là một cách dẫn thân cho sinh kế...

(Nguyễn Mạnh Trinh – Những hồi ký làm báo)

### Chữ nghĩa làng văn

- Truyện ngắn của chị có nhiều chữ lạ như ngỗ, ngẫng ngẫng, to hó, nhảo, nhuôm nhuôm, chín chu. Như thế, có cần một chú thích cho các độc giả miền Nam và hải ngoại?

- Không có từ nào thật lạ, thật sáng tạo của riêng tôi trong số những từ chị vừa dẫn. Những ngỗ, nhảo, nhuôm nhuôm, tôi học từ các bà các chị ở quê tôi. To hó, từ này tôi mượn của ông Tô Hoài từ trước năm 45. Ngẫng ngẫng tôi học được từ mấy anh chị đi từ miền Nam. Chín chu thì có trong tự điển.

Và nói chung, nhiều chữ tôi dùng hiện vẫn được sử dụng hàng ngày ở VN, chỉ không thông dụng ở hải ngoại. Vậy thì đâu có cần chú thích. Chúng ta phải tự làm giàu có vốn từ cho mình bằng cách đọc và học.

(Lê Quỳnh - Phỏng vấn nhà văn Lê Minh Hà)

### Tiếng Việt trong sáng

"Khủng", từ trong nước, được "bộ phận" giới trẻ và giới báo chí dùng. Từ cũ là "kinh khủng" hay "khủng khiếp" (dịch từ "awful" / "awfully" trong tiếng Anh). Bây giờ, người ta cắt gọn lại cho nó... "khủng" hơn.

Thí dụ: nói về một món hàng, một thiết bị công nghệ "tối tân", "mới ra lò" chẳng hạn, toà báo có thể chạy tít : "*Microsoft* vừa tung ra thị trường một thiết bị "khủng".

Hoặc, thậm chí, tít chạy trong một bản tin xã hội hay giải trí : "Mười mỹ nhân sở hữu vòng một "khủng" nhất thế giới", hay : "Những người đẹp có vòng ba 'khủng' nhất hành tinh" (!!!).

(Bùi Vĩnh Phú – Trên những đường bay của chữ)

### Chữ Việt cổ

mọ : cụ già

(Phạm Xuân Độ)

### Thơ mới (2)

Nguyễn Đức Tùng: Nhân cách của nhà thơ biểu hiện qua phong cách, giọng điệu. Phong trào Thơ Mới và văn học trước 1945 như Tự lực Văn đoàn, Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, cùng thời với anh, đã ảnh hưởng đến phong cách của anh ra sao?

Dương Tường: Tôi sinh năm 1932. Như thế là tôi sống qua thời kỳ Thơ Mới, tất nhiên là thế hệ của tôi, bạn bè tôi đều thấm đẫm tinh thần của thời kỳ vàng son rực rỡ đó. Nhưng ảnh hưởng của họ đối với tôi thì không đơn giản. Ví dụ như vào thời đó nhiều người thích thơ Xuân Diệu nhưng tôi lại không. Thời đó tôi thường nói đùa với bạn bè rằng ông Lamartine ngủ với ông Verlaine thì đẻ ra Xuân Diệu.

Nguyễn Đức Tùng: Ý anh nói là Xuân Diệu không có gì mới cả.

Dương Tường: Đúng thế. Ông ấy chính là hậu duệ của chủ nghĩa lãng mạn Pháp mà Lamartine và Verlaine là tiêu biểu, chứ đối với tôi vào thời đó thì không có gì mới cả.

(Phụ đính: Dương Tường là nhà thơ, dịch giả. Nguyễn Đức Tùng là nhà phê bình thơ thuộc thế hệ trẻ. Cả hai đều ở trong nước)

(Nguyễn Đức Tùng - Viết không khác người ta thì đừng viết)

## Lác

Lác : thừa thớt, một vài  
(mưa lác đác)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Văn hóa người Việt xưa (4)

Thời Hậu Lê 1663, S. Baron người Hòa Lan lai Bắc kỳ sinh ở Thăng Long viết về Đàng Ngoài đề cập đến sử ký, địa dư, văn hóa dân tộc, phong tục, chính sự và y học nước ta qua một quyển sách giới thiệu Đàng Ngoài cho người Anh đọc có tên A Description of the Kinhdome of Tonkin (Thăng Long – Kẻ Chợ).

S. Baron nhận xét người Việt ở thế kỷ 17 như sau:  
“Người Việt tầm vóc nhỏ bé, tính tình nhu hòa, hiền hậu, không nóng nảy nhưng hèn yếu. Ưa ganh tị, ưa khoác lác, hay mê tín dị đoan, lại ở bẩn.

Hiếu học chẳng phải ham hiểu biết mà vì muốn đạt mục đích ra làm quan. Không ưa đi đây đi đó mà cũng không tin lời những người xuất dương thấy rộng nhìn xa. Tự cao tự đại cứ cho người Việt Nam mình là nhất.

Nghệ nhân tài giỏi không phải là không có nhưng bị vùi dập.

(Nguyễn Thị Chân Quỳnh – Lối xưa xe ngựa...)

## 4 Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

(...trích lục lại)

Hỏi :

- Con lợn khác con heo ở chỗ nào?

Đáp :

- Con heo ăn bắp còn con lợn ăn... ngô!

(Trau dồi tiếng Việt - ĐatViet.com)

## Tiếng Tàu dễ mà khó

Vu nghĩa là đi qua. Qui là về, là con rùa.

Vu quy là con gái về nhà chồng  
(không là con rùa về nhà chồng).

Vì chữ “qui” viết bằng bộ “chỉ” như trong chữ vu qui đây có nghĩa là...vợ bị chồng bỏ.

Tuy nhiên, nếu như chữ “qui” là con rùa viết với bộ “sước” có nghĩa là...chồng để cho vợ bán dâm.

(Việttide)

## Ai là tác giả ca dao?

Thống kê về ca dao cho biết:

Tình yêu	5880 bài	47,1%
Nhà nông	698 bài	5,6%
Vợ chồng	61 bài	0,5%
Vua quan	71 bài	0,6%
Giàu nghèo	76 bài	0,6%
Tín ngưỡng	87 bài	0,7%

Như vậy tình tự là thể tài chính của ca dao, chứ không phải là chuyện cày. Như thế ca dao không phải để phản ánh đời sống của nhà nông. Muốn làm thơ tình tự (sau này là ca dao) phải trên thông thiên văn dưới thuộc lòng địa lý với nhân sinh quan, xã hội quan (đôi khi có cả vũ trụ quan) thì “còn ai trồng khoai đất này”, không ai ngoài những hàn nho.

Những hàn nho không thành đạt, làm thầy đồ, làm thầy thuốc và đôi khi phải cày cấy nữa. Hàng ngày chen vai thích cánh với dân tình. Họ chính là những người đóng góp vào nền văn chương truyền khẩu qua ca dao.

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

## 5 Ca dao lơ mơ lố mố

(...trích lục lại)

Chuối khoe chuối hãy còn trinh  
Chuối ở một mình sao chuối có con?

## Chuyện chữ nghĩa

Thời cụ Nguyễn Du thế kỷ 18 và 19, về thịt chó cụ viết trong bài *Hành lạc từ* như sau:

Tội gì ngàn năm lo  
Có chó cứ làm thịt  
Có rượu cứ nghiêng bầu  
Được thua trên đời chưa dễ biết  
(bản dịch của cụ Lê Thuớc)

Sát bên nước ta là ông Tàu cũng nhậu thịt chó. Chúng có chữ “*nhiên*” là nhóm lửa gồm 3 chữ ghép lại: Chữ *nhục* là thịt, chữ *khuyến* là chó nằm ở trên chữ *hỏa* là lửa.

Riêng chữ hành lạc ngày xưa của cụ Nguyễn Du khác với chữ...*hành lạc* ngày nay.

Lạ cực kỳ...! Thôi nhá!

(Trà Lũ – Lá thư Canada)

## Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

### Cái trâm 1

Tục này chỉ là một thứ bí truyền do người mẹ thủ thi "tâm sự" ngấm với con gái vào buổi trước khi về nhà chồng. Thời trước, cô dâu quấn khăn nhiễu trên đầu, có đính mấy chiếc kim trên khăn là đủ hiểu rồi. Vì có những trường hợp mẹ mất sớm hoặc đám cưới xa quê vắng mẹ, nên nhiều bà mẹ thời nay không biết để truyền tiếp cho con gái. Hoặc mẹ vợ đưa cho con rể nhưng bà chỉ đưa 7 chiếc kim.

Xuất sứ của tục này là đề phòng tai biến "phạm phòng".  
"Phạm phòng" là gì? Nói thô tục là chết ngay trên bụng vợ khi quan hệ vợ chồng. Ca dao tục ngữ có câu "nhất phạm phòng, nhì lòng lợn" có nghĩa là:  
Được ăn lòng lợn ngon miệng, dẫu...chết cũng...sướng.

#### 41 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Tôi chưa đến 13 tuổi nhai ngón ngấu Vòng Tay Học Trò của Nguyễn Thị Hoàng trên sân thượng giữa trưa nắng ngun ngút, cổ mường tượng ra cô giáo Hoàng với đôi thông Đà Lạt trong ngôi nhà gỗ thơm phức với tên nam sinh tên Minh sớm biết hút thuốc, có bật lửa zippo và gan dạ tán tỉnh cô giáo. Tôi ngón ngấu Thằng Giêng Đưa Đám của Nhã Ca, kinh ngạc khám phá tiểu thuyết có sức chờ mang gấp mười lần tivi số lượng hình ảnh Tết Mậu Thân ngoài Huế. Trưa nắng thiêu đốt. Tiếng động chiến xa T-54 âm ỉ từ Gò Vấp đổ xuống Phú Nhuận băng lên đại lộ Hai Bà Trưng không át nổi âm thanh của 16 vỏ chai bia mỗi ngày Túy Hồng quắp rổ đi đổi cho Thanh Nam lúc còn sống trong building Cửu Long và diễn ra trong tiểu thuyết Tôi Nhìn Tôi Trên Vách. Không át nổi tiếng nhạc xập xình mỗi buổi tối cô ca ve đi làm luôn có một người đàn ông chờ sẵn, đem đến một gói Salem xanh biếc trong Thủy và T6 của Thế Phong...

Tôi khám phá xã hội miền Nam ngay trong ngày xã hội đó bị xích sắt T-54 nghiền nát dưới lòng đường. Tôi chưa kịp đọc Dương Nghiễm Mậu. Tôi chỉ kịp trông thấy ông bị vát lên xe ba gác chở ra lề đường. Nhưng cũng chỉ một hai tháng sau lề đường bị *truy quét tàn dư Mỹ Ngụy* và ông biến mất.

Dương Nghiễm Mậu hiện ra trở lại buổi trưa Lê Văn Sỹ. Ông yên lặng quan sát tôi với Nhiên. Chúng tôi, những độc giả thiếu nhi của miền Nam cũ, cũng đột ngột hiện ra trước mắt ông. *Cũng đành...* dường như ông muốn nói vậy. Tôi cũng quan sát ông, quan sát cái tủ sách trống trơn của một nhà văn miền Nam. Tôi ngắm ông với cảm giác kỳ quặc là ông hãy còn trong tủ kính bị khóa, giống như ông đang là cuốn sách chưa được phép mở ra cho tôi xem.

Nhưng Dương Nghiễm Mậu vẫn ở đó, trong sâu thẳm của một miền Nam *ngã đạn*.

(Sàigòn, ngày lạ mặt - Trần Vũ)

#### Chữ nghĩa làng...nhậu

Từu nhập tâm như cầu cuồng tại thị  
*Rượu nhập vào người như chó điên ngoài chợ.*

(Cầu cuồng là cái đèn, đây là đèn sáng ngoài chợ. Còn chữ "cầu cuồng" là con chó có 2 móc chéo nằm ngang như 2 cái xương)

#### Từu sử ngoại truyện (2)

Thế kỷ 14, người Nhật mượn bến Vân Đồn làm ngõ thông thương qua đất Đại Việt để mang về tơ lụa, đồ gốm. Thời đó họ chưa biết làm đồ gốm. Bát uống trà của trà đạo sau này chính là đồ gốm Chu Đậu trước kia. Trà cụ đầu tiên do thiền sư Raku Zengoro, thời lãnh chúa Ashikara mang về cho thiền viện Kasuga có dáng bát trà đời Lý, được gọi là An Nam Yaki của làng Chu Đậu thời Lê Mạc và được trưng bày ở bảo tàng viện Tokyo và Nagoyga.

Vương Hồng Sển trong *Khảo cổ về đồ sứ men lam Huế* viết: Người Việt uống chè xanh, chè vối bằng bát. Lại nữa bát trà mang hình thái bình bát của các tăng sư ta, nên ảnh hưởng đến chén tổng (temmonlu) của người Nhật sau này.

Cũng theo Vương Hồng Sển:  
Chén Tống trước để uống trà, sau để uống rượu.  
(Nguồn: Vương Hồng Sển)



## Sách giáo khoa

Tôi cho rằng dạy văn thì phải đúng là dạy văn, chương trình văn học thì phải đúng là chương trình văn học. Vấn quan tâm tới vấn đề tư tưởng, nhưng phải có phẩm chất văn học thật sự. Vấn tuyển lựa nhiều tác giả, nhưng tập trung vào chín ông nhà văn. Chín vị này được tuyển nhiều hơn những tác giả khác, có bài khái quát riêng về tác giả. Đó là: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Nam Cao.

Tất nhiên không phải chỉ có chín ông này là lớn hơn cả, cũng phải cân nhắc nhiều mặt: có miền Nam, miền Bắc; có giai đoạn lịch sử này, giai đoạn lịch sử kia; tiêu biểu cho những trường phái văn học nhất định. Tinh thần đổi mới của chương trình này là: dạy văn phải đúng là dạy văn, lịch sử văn học phải đúng là lịch sử văn học, chứ không phải dạy lịch sử chính trị, lịch sử xã hội

(Nguyễn Đăng Mạnh - Dạy văn thì phải đúng là dạy văn)

## Ca dao cổ phong (1)

Cổ phong là thể thơ lâu đời ở Tàu. Khi mượn chữ viết của họ, ta tìm hiểu văn hóa của họ. Thể thơ trong Kinh Thi rất giản dị, nó chỉ là những câu dài bằng nhau được đặt kế tiếp nhau, không đòi hỏi phải có vần. Nhà nho ta dựa theo thể làm thơ chữ Hán, rồi sau đó làm thơ tiếng Việt, sau đây để có những bài ca dao giản dị như:

*Sáng mài cưa  
Trưa mài đục  
Tối đục cưa*

Hoặc giả như:

*Con chim sáo sậu  
Ăn cơm nhà cậu  
Uống nước nhà cô  
Đánh vỡ bát ngô  
Bà cô phải đền*

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

## Thành ngữ và danh ngôn

Cha ông xưa đúc kết được kinh nghiệm sống và truyền khẩu cho đời con cháu mai sau qua ca dao và thành ngữ...Nay con cháu mai sau đời sau chế tác "lung tung, trống kèn" những thành ngữ, danh ngôn cho riêng họ:

- Có những điều mà 1 người không biết, 2 người không biết, 3 người, 4 người... cũng không biết thì đơn giản là họ có biết cái quái gì đâu.
- Thà ngu vì thiếu i ốt còn hơn là thiếu i ốt mà vẫn ngu (Hic! Nó nói cái gì thế).
- Trông mày khôn lắm cơ! Thằng ngu ạ.

## 6 Chữ nghĩa lơ mơ lổ mỗ

(...trích lục lại)

Sau một loạt ấn bản "từ điển Vũ Chất" bị "tuýt còi" với lỗi ngô nghê, mới đây, lại có thêm một cuốn từ điển với cách giải nghĩa từ ngữ... giật mình, đó là cuốn "Từ điển tiếng Việt" do NXB Bách khoa biên soạn, với đối tác liên kết là Nhà sách Huy Hoàng.

"niết bàn" là "nát bàn"  
(Chính Lê)

## Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Theo các nhà ngữ học thì tiếng Việt là thứ tiếng đứng thứ 12 trên thế giới về số đồng người nói là 83 triệu. Tiếng Việt vay mượn rất nhiều từ ngữ 58 thứ tiếng lớn nhỏ ở nam Á châu, từ tiếng Thái Lào, Khmer, Miến, Malay, Indonesia cho đến những tiếng nói thiểu số với vài ba trăm ngàn người, tiếng Mường, tiếng Nùng, tiếng Hmong, tiếng Chàm.

Như cụ Nguyễn Gia Thiều cách đây gần 200 năm đã viết :

"Trẻ tạo hoá *đành hanh* quá ngán"

"*đành hanh*" là tiếng gốc Chàm, có nghĩa là *ganh ghét, ganh tị*

(Nguyễn Hy Vọng - sưu tầm & tản mạn)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Đánh răng: Không phải là đánh, đập cho răng đau.  
Mà là dùng bàn chải và kem làm cho sạch răng.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

## "Tù điển" của một người Bắc vào Nam sau 75

(*Chữ nghĩa làng văn* giữ nguyên chữ và câu cú, không... "nát bản" với lời bàn Mao Tôn Cương)

Tiếng rao hàng của người Nam bộ

Ai ngủ hôn? = Ai ăn tàu hũ hôn!

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

## Câu đố

Xét trong quan hệ với vật đố, tức cách biểu thị vật đố ra sao, hình ảnh ở lời đố thường được sử dụng theo *tính quan niệm của hình ảnh*/ Có một số hình ảnh lặp đi lặp lại trong một số câu đố khác nhau. Chúng cho thấy việc dùng những hình ảnh này đã phản ánh một sự nhìn nhận, một quan niệm về đối tượng được đề cập. Dưới đây là một số các hình ảnh này:

"*Con đánh mẹ, mẹ la làng,  
Làng ra, con lại nằm ngang trên đầu*"  
(Cái dùi và cái mõ)

Hình ảnh "mẹ - con" của vật không phải người hay động vật mà là dụng cụ gồm hai loại bộ phận rời, thì bộ phận lớn là "mẹ", bộ phận bé là "con".

(Triều Nguyễn - Cách sử dụng hình ảnh trong câu đố)

## Góp nhặt sỏi đá!

Hỏi : Tui mù tiếng Việt, ngó mấy câu ca dao này tui mù chớt luôn!

Nhờ ông thầy bày dùm, tui cảm ơn thiệt tình.

- *Đồ lấu cá lấu tôm*

- *Chó có vảy lĩnh*

- *Chỉ đâm ba chầy củ*

Đáp : Để tui... "*Ăn đàng sóng nói đàng gió*" à nha.

(DatViet.com – Trau giời tiếng Việt)

## Chữ Việt gốc Tàu

Chữ Việt gốc Tàu là một đặc thù của văn hóa Đồng Nai – Cửu Long, là những chữ, mà ta dùng thẳng từ của người Tàu và dùng âm của mẫu tự quốc ngữ viết lại.

Như:

Chí quách (còn gọi là xí quách) với *chí* là heo và *quách* là xương, chay (kiêng thịt).

Dầu chá quấy nghĩa là “quỷ chiên dầu”, quỷ đây là vợ chồng Tần Cối (còn gọi là dầu cháo quấy).

Bò bía là bánh tráng cuốn củ sắn, tôm khô nhỏ, lạp xưởng đậu phộng rang.

Há cảo với há là tôm, cảo là bánh tức bánh tôm..v..v..

Cón là láng. Ta ghép chữ thành lán cón, thật sạch, lán cón.

(Lê Ngọc Trụ – Tâm nguyên tự điển Việt Nam)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ (4)

Trong *Phụ nữ tân văn* số 5-1929 có bài thơ tựa đề *Sài Gòn* của tác giả Hải Khách:

Sài Gòn nguyên thị nhất đô hội

Đủ Tây, Chà, *Chệt*, Mọi, Cao Mên

Kẻ chi là đất người quen

Tiêu khiển cũng một đôi phen lếu láo

Vậy người Nam đã gọi người Hoa là “*chệt*” trước thập niên 30.

(Phan Anh – Chùa Hoa)